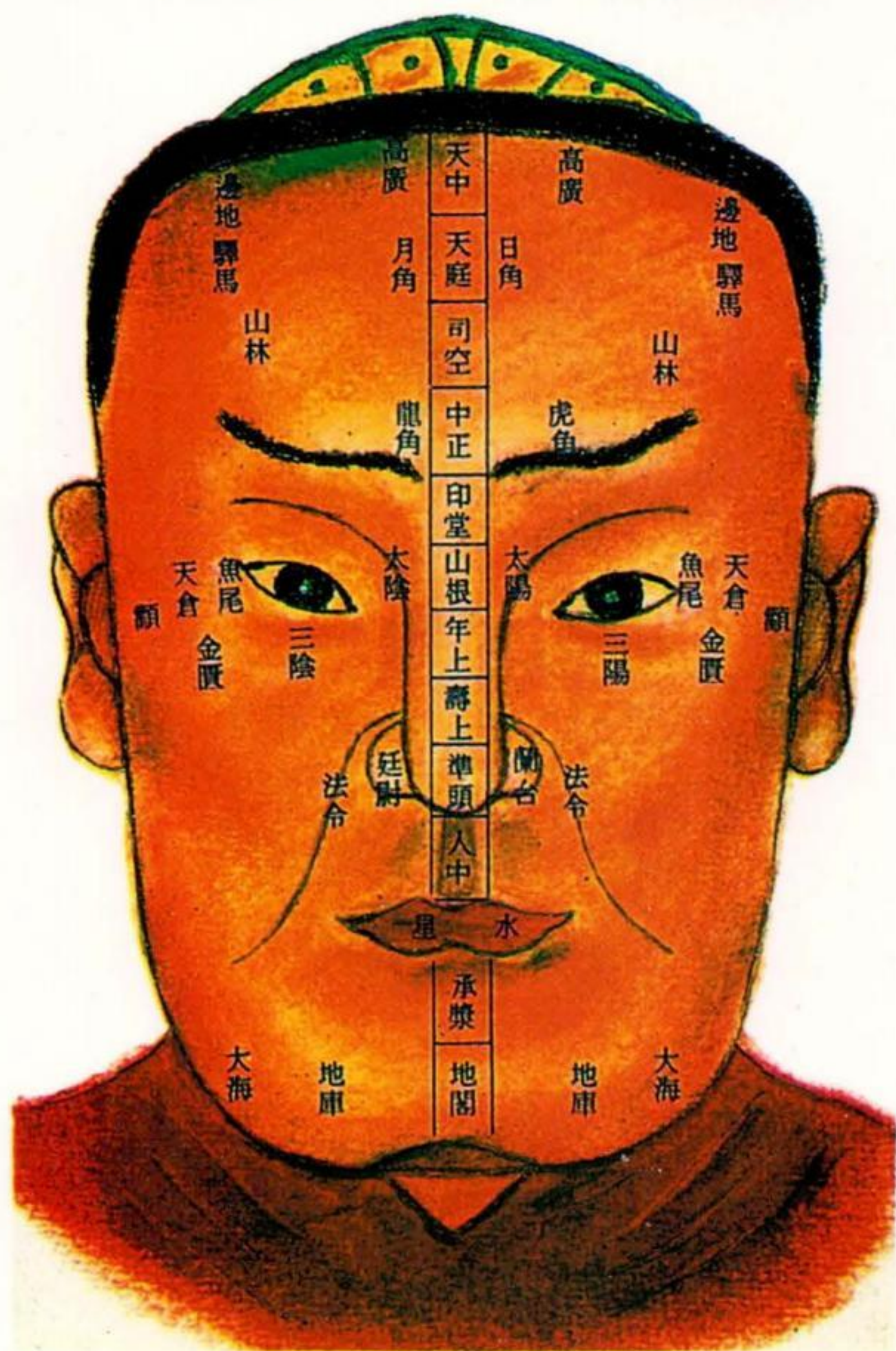


TÚCÁN

XEM

TƯỚNG LẤY

THEO LỐI TÀU



TÚ CÀN

biên khảo

**XEM
TU'Ó'NG LẤY**

THEO LỐI TÀU

A-CHAU

TÀI BẢN

Mấy lời nói đầu

- Ta đi thi có đỗ không ?
- Ta lấy người ấy có nên không ? Người đó có phúc tướng không ?
- Thọ hay yểu ? Có trở nên giàu có phú-quý được không ?
- Có nên đi xa chuyến này không ?
- Việc dự-định làm thành hay bại ? lợi ít hay nhiều ?
- Người thân của ta ốm nặng liệu có qua khỏi được không ?
- Vợ ta sắp đẻ có nguy-hiểm gì không ? sinh con trai hay con gái ? v. v. . .

Đó là những câu hỏi thường làm vẩn-vơ đầu óc các bạn. Những câu hỏi đó đã từng khiến các bạn mất thì giờ, mất tiền, mỗi khi lòng bâng-khuâng, thắc-mắc không yên, phải đi lòng vòng kiếm các ông thầy số, thầy tướng để cầu hỏi ý-kiến.

Chính kẻ viết nên tập sách nhỏ này đã từng nhiều phen thắc-mắc, lo âu như thế, và cũng đã nhiều phen mất thì giờ và mất tiền.

Sau nhiều năm nghiên-cứu về khoa xem tướng của người Tàu, kẻ viết mấy lời nói đầu này nhận thấy tướng số là việc có thật, và nếu học được, lòng mình sẽ thư-thái vô cùng, đôi khi còn giúp ích được cho những người chung quanh mình không phải là ít.

Biết đề đỡ thắc-mắc, biết đề hiểu mình, hiểu người, vững lòng tin-tưởng ở tương-lai . . . tưởng cũng nên lắm vậy.

Trân-trọng đặt tập sách nhỏ này vào tay các bạn.

— 0 —

Xem tướng cần nhất có công-tâm vì có công-tâm mới phân biệt được chính hay tà. Xem tướng là cốt bảo người ta làm điều hay, tránh điều dở tức là một khoa-học về âm-chất vậy.

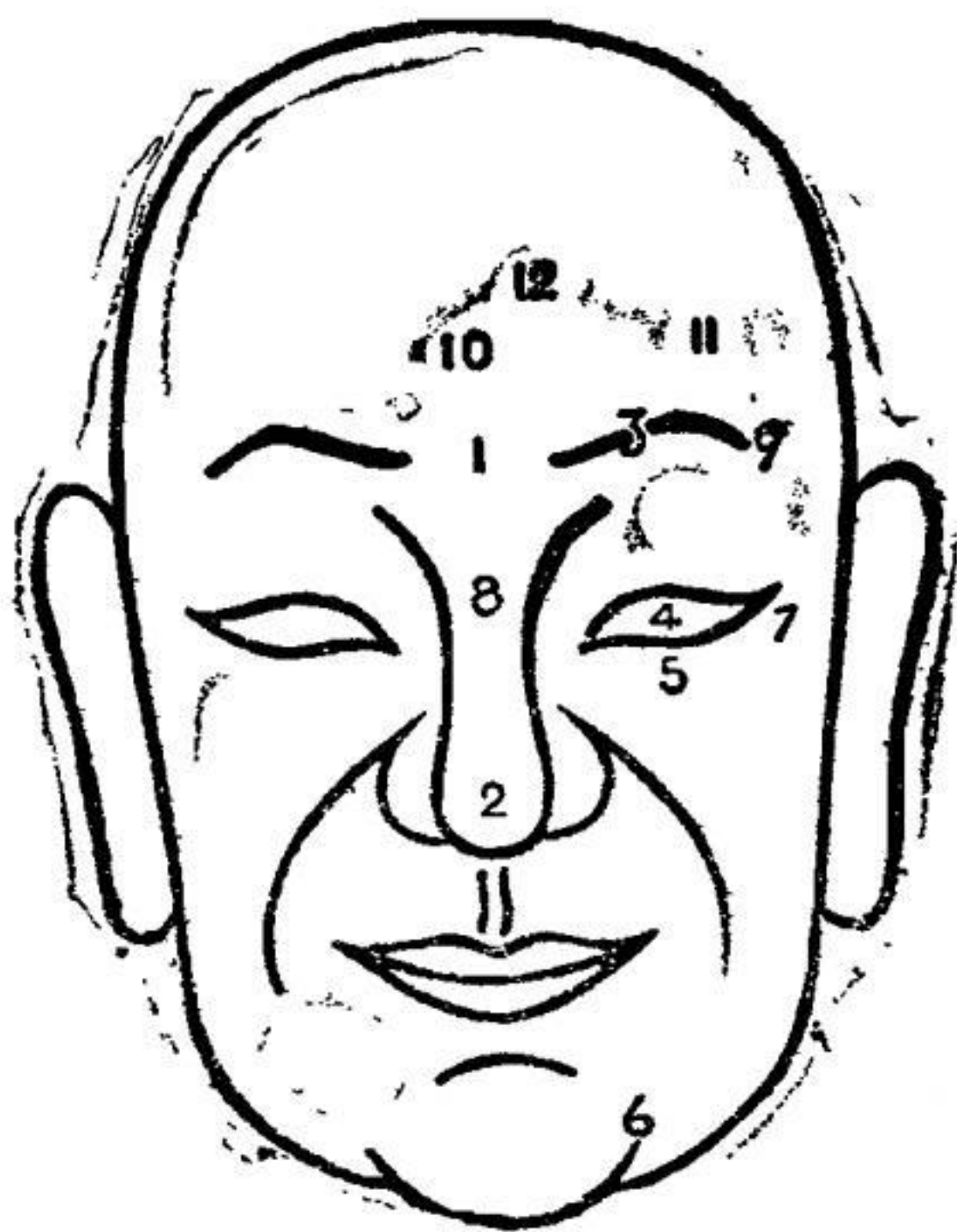
Không nên vụ-lợi, không nên vọng đàm họa-phúc của người ta, nghĩa là không nên phán-đoán họa-phúc của người ta một cách nhẹ dạ.

Xem tướng thấy người ta đẹp đừng vội tưởng là đẹp mà cho là hoàn-toàn đẹp. Phải cố tìm cái xấu trong cái đẹp. Trái lại, thấy người ta xấu, đừng vội tưởng là người ta xấu hoàn-toàn. Phải tìm cái đẹp trong cái xấu. Nên ghi nhớ chín cái đẹp bị một cái xấu thành xấu cả. Mà chín cái xấu có một cái đẹp lại hay vô cùng.

Có người trông rất tục mà hóa thanh. Có người trông rất thanh mà hóa tục. Có người trông rất đẹp để khôi-ngô mà chung thân chẳng ra gì. Có người trông loàng-xoàng mà hưởng nhiều diễm-phúc ở đời. Cần phải để ý lắm mới tránh khỏi nhầm lẫn.

Xem tướng cũng như làm thuốc phải có quân thần, tá, sứ. Cũng như địa-lý phải có long, hồ, quan, quý . . . Có quân, thần, tá, sứ mới dễ thu thắng-lợi. Trơ-trọi một mình, dù hay mấy, giỏi mấy cũng hóa nhỡ-nhàng. Thi-dụ : một cái mũi hoàn-toàn nhưng quyền yếu, tai phản thể là thiếu kẻ phù-tá vậy.

TÚ - CAN



PHẦN THỨ NHẤT

Luận về 12 cung

Mặt chia làm 12 cung :

1.— Cung Mệnh viên

Cung Mệnh viên ở giữa khoảng hai mi giáp nhau, bên trên sống mũi. Mệnh cung sáng bóng như gương là người học văn tinh thông. Sơn căn (sống mũi, nơi giáp mệnh cung) đầy và phẳng chủ phúc thọ. Sống mũi thuộc về Thổ tinh, thẳng và cao, hai mắt lại sáng quắc thì tiền của nhiều. Mệnh cung lõm và thấp chủ bản tiện, Hai mi giao liền nhau cũng là người hạ tiện. Có gân vết rối loạn là người ly hương và khắc vợ. Trán hẹp, mi khô thì tán tài, vất vả.

2.— Cung Tài bạch

Mũi là cung Tài bạch, tức là tài tinh thuộc về hành Thổ. Sống mũi như ống tre chẻ đôi, đầu mũi hình như cái mật treo rủ xuống thì đụn bạc hang tiền. Mũi thẳng mà cao : một đời vượng tài phú quý, mũi ngay không lệch : của cải vững bền. Đầu mũi quắp như mỏ d.ều hâu hoặc nhọn hoắt : tán tài nghèo khổ. Lỗ mũi ngửa và huếch : được bữa sớm, mất bữa trưa. Lỗ mũi rộng tuếch : một đời nghèo kiệt.

3.— Cung Huynh đệ

Cung huynh đệ ở hai bên lông mi, bên phải thuộc về La-hầu, bên trái thuộc về Kế-dô. Mi dài hơn mắt : đông anh em. Mi tốt mà thưa : anh em hòa thuận. Mi như vành trăng đầu tháng : anh em hòa thuận và danh giá. Mi ngắn mà thô : anh em ly biệt. Mi mọc trộm lên mắt : ít anh em. Lông mi mỗi bên mỗi kiêu : cùng cha khác mẹ. Hai mi giao nhau, thưa và vàng ệnh là tướng chết đường. Mi soắn chôn ốc : anh em ít mà bất hòa.

4.— Cung Điền trạch

Cung Điền trạch là hai bên mắt. Trong mắt có tia máu đỏ chạy vào con ngươi thì tiền vận phá tán gia - sản, đến già cũng vẫn nghèo kiệt. Lòng-đen đen kịt : suốt đời sung sướng. Mắt phượng mi cao : ruộng nương ngàn mẫu. Mắt đỏ như lửa, vành mắt thâm sì : khuynh gia bại sản. Hai bên âm, dương khô đét đến xương : ruộng vườn khó giữ.

5.— **Cung Tử tức (con cái)**

Cung Tử tức ở hai bên dưới mắt, gọi là Lệ-đường hay Ngọ-tâm hay Long-cung. Chỗ ấy đầy đặn, bằng phẳng : con cháu vinh xương ; nếu thấp hãm : sanh dục gian nan. Có nốt ruồi hay có văn phá thì hiểm hoi, khắc con cái. Những người tay bằng tay mang, phần nhiều ngoạ-tâm nổi lên như con tôm vắt ngang dưới mắt mà sắc thì nhuận tươi.

6.— **Cung Nô bộc (lôi tớ)**

Cung Nô bộc ở chỗ địa-các (cằm). Cằm tròn và đầy đặn có nhiều tôi tớ. Hai bên quai hàm nở nang, triều lại thì nhất hô bách nặc. Miệng vuông như hình chữ Tứ thì có oai quyền. Địa-các nhọn hoặc lệch thì làm ơn nên oán. Có văn vết hoặc thấp hãm, khó nuôi đầy tớ.

7.— **Cung Thê thiếp**

Cung Thê thiếp ở ngang đuôi con mắt tức là ngư vĩ, gọi là gian-môn. Quang-nhuận, không có vết thì vợ đủ tứ đức ; đầy đặn, bằng phẳng lấy được vợ giàu. Lưỡng quyền cao ngang Thiên-sương (chỗ giáp mái tóc) nhờ vợ mà có lộc. Gian-môn thấp hãm, làm rẻ nhiều lần. Ngư vĩ có nhiều vết, vợ bị ác tử. Gian-môn thâm sạm, vợ hay bỏ chồng. Có vết đen hoặc vết ngang, vợ hay ngoại tình và dâm-dục.

8.— **Cung Tật ách (bệnh tật)**

Cung Tật ách ở dưới ấn đường (tức mệnh cung) và trên sơn căn, cao và đầy đặn : có nhiều phúc lộc. Sống mũi cao liền ấn đường là người văn học. Sáng sủa bóng bẩy, phúc lộc đầy đủ.

Sống mũi có vết hoặc thấp hãm : suốt đời tật bệnh. Nhọn, lệch và khô sạm như xương khô hoặc như ám khói, không có nhuận sắc : suốt đời tật khổ.

9.— **Cung Thiên-di** (*xuất ngoại*)

Cung Thiên-di ở cuối hai bên lông mi, gọi là Thiên-sương (từ chân mi đến chân tóc) sáng sủa, đầy đặn : đi xa có lợi. Đen tối, khuyết hãm : không lợi xuất hành. Nếu trán lại lép thì suốt đời lặt đặt, giang hồ. Hai mi giao nhau, cung này lại đen tối, khuyết hãm thì phá sản, ly hương.

10.— **Cung Quan lộc**

Cung Quan lộc ở chỗ trên ấn đường nơi giữa trán, gọi là Trung chính. Có xương chạy thẳng từ sống mũi lên đến trán, giáp chân tóc, gọi là phục tê quán đỉnh thì công danh hiển đạt sớm. Đầy đặn, sáng sủa : hiển đạt hơn người. Có văn, có vết xung phá thì thường gặp tai nạn. Lốm, thấp, vắn vẹo, thế nào cũng bị tù, khốn bức. Hai bên dịch mã (hai bên giáp mái tóc) triều lại thì nhân làm quan mà giàu có. Nếu ấn đường nổi cao, triều lại thì phú quý, nổi danh.

11.— **Cung Phúc đức**

Cung Phúc đức ở hai bên Thiên-sương tức là chỗ bên trên cuối lông mi. Đầy đặn, ngũ tinh triều củng, phúc lộc vinh hoa. Thiên-sương, địa-các triều nhau là người đức hạnh và được hoàn toàn ngũ phúc. Quai hàm rộng tròn mà trán hẹp, tiền vận vất vả. Quai hàm rộng mà trán nhọn, hậu vận gian nan. Mi cao mắt lộ còn được bình thường. Mi thấp, tai bạt là kẻ hèn hạ.

12.— Cung Phụ mẫu

Cung Phụ-mẫu ở chỗ hai bên Nhật-giác và Nguyệt-giác (trên lông mi và giáp trán) cao và sáng-sủa, cha mẹ trường thọ, khang ninh. Thấp hãm, cha mẹ mất sớm. Sạm đen, cha mẹ có tật. Trán bên tả lép: khắc cha. Trán bên hữu lép: khắc mẹ, hoặc cùng cha khác mẹ, hoặc theo mẹ đến ở với dượng hoặc làm con nuôi người khác. Đầu lệch, trán hẹp là con thứ hay con hoang thai. Mi bên tả cao, mi bên hữu thấp, mẹ chết trước. Mi bên tả thấp, mi bên hữu cao, cha mất trước mà mẹ đi tái giá. Trán lép, mi giao. cha mẹ mất sớm. Nhật-giác, Nguyệt-giác đầy đặn, nở nang, cha mẹ vinh hiển. Sắc xanh khí ám, cha mẹ ở cảnh lo phiền. miệng tiếng. Sắc trắng pha màu sạm, cha mẹ ốm nặng hoặc chết. Sắc hồng hoặc vàng, cha mẹ gặp vận vui mừng.

Tổng luận

Phàm xem tướng mạo cốt lấy ngay ngắn, đầy đặn, là thượng cách. Thấp hãm, nhọn lép là hạ cách. Cốt cách, tinh thần cùng xúng, thần khí điều hòa thì hay. Khí sắc bạc nhược là xấu. Khí sắc hồng hào là tốt.

Trước xem ngũ-nhạc (trán, hai gò má, mũi và cằm) đầy đặn tương đối là người phú quý vinh hoa. Sau xem tam đình bằng phẳng thì suốt đời hiền đạt (trán thuộc về tiền vận, mũi thuộc về trung vận, địa-các thuộc về hậu vận). Tam đình (trán, mũi và địa-các) không đều-dặn hoặc nghiêng lệch là phá tướng, thì nghèo hèn.

Nên chú-ý : 12 cung trên đây chỉ là tóm tắt đại-thể. Cần phải xem rộng thêm những mục dưới đây rồi mới có thể có một ý-niệm chắc chắn được.

Luận về ngũ - quan

Ngũ-quan : 1.— là tai gọi là Thái-thính quan.
2.— là mi gọi là Bảo - thọ quan.
3.— là mắt gọi là Giám-sát quan,
4.— là mũi gọi là Thăm-biện quan.
5.— là miệng gọi là Xuất-nạp quan.

Một quan hoàn toàn được 10 năm sang.

Một phủ (xem mục Lục phủ ở dưới) hoàn toàn được 10 năm giàu.

Nếu cả ngũ-quan đều hoàn toàn thì suốt đời giàu sang.

1^o) Tai.— Tai cần phải cao hơn mi, đầy đặn, sáng sủa thành quách đều đặn, lỗ tai rộng, là tai hoàn toàn.

2^o) Mi.— Mi cần phải dài rộng, thanh-nhã, hoặc như vành trăng đầu tháng, đầu mi và đuôi mi đều đặn, đậm đà, là mi hoàn toàn.

3^o) Mũi.— Mũi cần cao và thẳng, hình như ống tre bồ đôi, đầu mũi cao và to, hình như trái mật treo, Lan-dài, đình-úy (hai bên cạnh đầu mũi) đều nở nang, cân đối, lỗ mũi vừa vặn, sáng sủa, không có văn vết là mũi hoàn toàn.

4^o) Miệng.— Miệng cần rộng và vuông, môi đỏ ngay ngắn, đầy đặn, hai mép như vòng cung, há thì to mà ngậm lại thì nhỏ là miệng hoàn toàn.

50) Mắt.— Mắt cần phải kín đáo, xinh xắn không lộ, lòng đen, lòng trắng phân minh, con ngươi ngay ngắn, sáng quắc như điện hoặc mắt nhỏ mà dài là mắt hoàn toàn.

Ngũ nhạc (năm trái núi)

Ngũ nhạc là : trán, cằm, mũi và hai gò má.

Trán gọi là Nam-nhạc (núi phía Nam).

Cằm gọi là Bắc - nhạc (núi phía Bắc).

Mũi gọi là Trung-nhạc (núi phía giữa).

Gò má bên tả gọi là Đông-nhạc (núi phía Đông).

Gò má bên hữu gọi là Tây-nhạc (núi phía Tây).

Trung - nhạc cần phải cao mà hai bên Đông-nhạc và Tây-nhạc cùng xứng đối mới hợp cách.

Không xứng với nhau là vô thể chỉ là tiểu-nhân mà không thọ. Trung - nhạc mỏng mà vô thể thì cả bốn nhạc thành vô chủ. Có được cách khác tốt cũng không thể gọi là quý, không có uy quyền và kém, thọ.

Trung nhạc tuy dài nhưng không xứng đối chỉ được trung thọ.

Mũi nhọn và mỏng thì hậu vận bại.

Nam nhạc nghiêng lệch thì thất bại.

Bắc nhạc nhọn và lép thì hậu vận gian nan.

Đông nhạc, Tây nhạc nghiêng lệch, vô thể thì tam địa độc ác.

Ngũ nhạc cần phải xứng đối mới là đại quý (thí dụ : mũi to thì hai gò má cũng phải to. Mũi to như nắm tay, hai gò má không có, hay chỉ gọi là có, là vô thể.)

Tứ - độc (bốn con sông)

Tai là sông Giang (sông nhỏ)

Mắt là sông Hà (sông lớn)

Miệng là sông Hoài.

Mũi là sông Tể.

Bốn sông này đều cần phải sâu, rộng, có bờ
bền và không phá cách.

Hợp cách thì nhiều của, của-cải súc-tích mà
không hao tán.

Tai thuộc về sông Giang, lỗ tai cần phải rộng mà
sâu, phải có thành quách thì người thông minh mà gia-
nghiệp bền vững.

Mắt thuộc về sông Hà, mắt sâu thì thọ, nông thì
yếu, nhỏ mà dài thì sang, sáng quắc thì thông minh,
đục và ám thì ngu hèn.

Miệng thuộc về sông Hoài, cần phải vuông và
rộng, hai môi phải đều đặn kín đáo. Môi trên mỏng thì
không che kín được môi dưới. Môi dưới mỏng thì
không hứng đỡ được môi trên. Hai môi không che đỡ
được nhau thì không thọ mà hậu vận kém. Môi trên
không che được môi dưới thì hay phá sản.

Mũi thuộc về sông Tể, cần phải to, cao, tròn và
sáng sủa, không lệch, lỗ không huếch, không lộ là
tướng giàu có.

Ba cột (trụ) chủ ba cách

Đầu là cột sống lâu.

Mũi là cột của cải.

Thân là cột sự nghiệp.

Trán nhọn chủ về tiền vận kém.

Mũi lệch chủ về trung vận suy.

Cằm lép chủ về hậu vận kém.

Người nào mũi lệch là phá tướng, mất cả mọi cách tốt của bộ mặt.

Ngũ - tinh (năm ngôi sao)

Ngũ tinh là :

- 1.— Hỏa tinh là trán. Trán vuông thì sang.
- 2.— Thổ tinh là mũi. Mũi dày và cao thì thọ và giàu.
- 3.— Thủy tinh là miệng. Môi đỏ thì quan chức to.
- 4.— Kim tinh là tai bên tả. Tai trắng hơn mặt thì sang.
- 5.— Mộc tinh là tai bên hữu. Hai bên đều nhau là hợp cách.

Lục riêu (sáu tên sao)

Lục riêu là :

- 1.— Sao Tử Khí tức là ấn đường, cốt phải cao, dày, tròn trĩnh thì quan sang.
- 2.— Sao Nguyệt Bội tức là sơn căn, cốt phải thẳng thắn thì phong lưu.
- 3.— Sao La Hầu tức là sao bên tả, cốt phải dài. Dài thì giàu.
- 4.— Sao Kế Đô tức là sao bên hữu. Hai bên đều nhau thì vợ con đầy đủ.
- 5.— Sao Thái Âm tức là mắt bên tả, cốt phải đen thì có quan chức.
- 6.— Sao Thái Dương tức là mắt bên hữu, cốt phải sáng quắc thì phúc lộc mới nhiều.

Trán.— Trán là Hỏa Tinh, cao và rộng là người học thức, có địa vị, có tài lộc, cha mẹ danh giá, con nhiều và thọ. Trán nhọn và hẹp hoặc nhiều răn vết thì hèn, hiếm con, một đời gian nan. Trán lệch và có răn vết, ít con, ít tài lộc, sản nghiệp hao tán.

Mi.— Hai bên mi là La Hầu và Kế-đô Mi cứng và dài hơn mắt là quý tướng, cha mẹ, con cái đều vinh hiển, anh em đều sang. Hai mi liền nhau, lông ngắn và sắc, vàng hoặc đỏ thì anh em và con cái hay bị án tử (chết tai nạn).

Mắt.— Hai mắt là Thái Âm và Thái Dương, lòng đen, lòng trắng phân minh, nhỏ nhưng dài thì hay. Lòng đen nhiều lòng trắng ít thì đại quý. Nếu lòng đen ít, lòng trắng nhiều là hãm, khắc cha mẹ, hại vợ con, phá sản, tai nạn và yếu vong.

Mũi.— Mũi là Thổ Tinh, cần đầu mũi cao đầy, lỗ không huếch. Niên thượng, niên thọ (mé dưới sơn căn) đầy và phẳng, hai tai không lệch là tướng phúc, lộc, thọ. Nếu Thổ Tinh không ngay ngắn, đầu mũi nhọn hoắt thì bản tiện mà tâm tính bất chính. Sơn căn lệch lệch, dè hãm thì con cái không vượng, nhiều tai ách, phá sản, khắc vợ con.

Tai.— Hai tai thuộc về Kim Tinh và Mộc Tinh, cần phải có thành quách phân minh, sắc đỏ hoặc trắng, không cứ to hay nhỏ, lỗ rộng và ngay ngắn, không phán, không nhọn, cao hơn mắt và mi, sắc trắng đẹp thì phát đạt sớm. Nếu tai phán, lệch hoặc bên to bên nhỏ là hãm thì tán tài, phá sản và kém học thức hoặc vô học thức.

Miệng.— Miệng là Thủy Tinh gọi là nội học đường, cần phải môi đỏ, miệng rộng và vuông. Nhân trung sâu, rãnh đều đặn, ngay ngắn là tướng văn chương học thức, quan cách phong lưu. Nếu môi lệch răng thô, mép chề xuống, môi vàng khè là tướng bần tiện.

Lục - phủ (sáu phủ)

Lục phủ là Thượng-phủ, trung-phủ và hạ-phủ.

Thượng-phủ là chỗ hai bên góc trán chạy thẳng xuống gò má.

Trung-phủ là chỗ hai gò má,

Hạ-phủ là chỗ hai bên quai hàm.

Cả 6 nơi ấy cần phải đầy đặn, tương đối, không được lệch lạc, thấp hãm. Lục phủ đầy đặn, thẳng thắn, không khuyết hãm, không răn vết thì vượng tài. Thượng-phủ cao thì nhiều tài lộc. Hạ-phủ vuông hoặc tròn thì nhiều vườn ruộng.

Tam - tài

Tam tài là trán, mũi và cằm.

Trán thuộc về *trời*, cốt phải rộng, nở và tròn tức là có trời thì sang.

Mũi thuộc về *người*, cốt phải ngay thẳng, đều đặn tức là có người thì thọ.

Cằm thuộc về *đất*, cốt phải vuông và rộng tức là có đất thì giàu.

Tam - đình

Tam đình là thượng đình, trung đình và hạ đình.

Thượng đình là từ chân tóc thẳng xuống đến ấn-đường thuộc về *sơ niên* tức là tiền vận.

Trung đình là từ sơn-căn thẳng đến đầu mũi (trần đầu), thuộc về *trung niên* tức là trung vận,

Hạ đình là từ nhân-trung đến địa-các thuộc về *mat niên* tức là hậu vận.

Thượng đình dài hơn thì vượng ở tuổi trẻ. Trung - đình dài hơn thì tước lộc vinh hiển. Hạ đình dài hơn thì hậu vận tốt. Cả ba đình bằng nhau thì phú quý vinh hiển. Ba đình không đều thì cô, yếu, bần, tiện.

Tứ học đường

Tứ học đường là :

- 1.— Mắt là Quan - học - đường. Mắt cốt dài và thanh, chủ về quan chức.
- 2.— Trán là Lộc - học - đường, cốt rộng và dài chủ về quan, thọ.
- 3.— Miệng là Nội - học - đường, Răng cốt phải ngay thẳng, lỗ chỗ hai răng cửa. kín đáo chủ về trung tín, hiếu, kính, ; răng thưa, khuyết bé, nhỏ, chủ về sảo trá, nói càn.
- 4.— Cạnh tai, giáp nơi má là Ngoại-học-Đường, cốt phải đầy đặn, sáng sủa, chủ về thông minh. Nếu thấp hãm, sạm, ám thì ngu đần.

PHẦN THỨ NHÌ

Có mấy thứ tướng ?

Trong tướng, người ta chia ra làm : tướng đại, tướng tiểu, tướng đoán, tướng trường, tướng ần, tướng lộ, tướng tiện, tướng ác.

Bát Đại

Tướng đại có 8 thứ : 1^o) mắt to 5^o) đầu to
2^o) mũi to 6^o) tiếng to
3^o) mồm to 7^o) mặt to
4^o) tai to 8^o) chân to

Tám thứ kể trên đều to cả gọi là bát đại. Nhưng trong cái to này, cần phải hợp cách. Như mắt to, tinh thần phải mạnh. Mũi to, sống mũi phải cao. Miệng to hai góc phải triều lên. Tai to, thành quách phải vững. Đầu to, xương trán phải cao. Tiếng to, phải trong trẻo. Mặt to, thành trì phải phân minh. Thân to, tam đình phải xứng đáng.

Có được như thế mới có thể phú quý được.

Nếu mắt to nhưng đục và tối ; mũi to nhưng lương trụ yếu (nhỏ và thấp) ; miệng to nhưng rỏ xuống ; đầu to nhưng xương không nổi lên ; tiếng to nhưng không có dư âm, không khiến được người ta sợ ; mặt to nhưng vẫn bụi ; thân to nhưng cử chỉ ngượng ngập.

Như thế thì to cũng không quý. Trái lại còn bần tiện nữa.

Bát tiểu

Đối với bát đại là bát tiểu.

Bát tiểu cũng có 8 thứ như trên nhưng đều bé cả.

- 1.— Mắt tuy nhỏ nhưng dài và đẹp.
- 2.— Mũi tuy nhỏ nhưng có lương trụ.
- 3.— Miệng tuy nhỏ nhưng có góc và vuông ;
- 4.— Tai tuy nhỏ nhưng dãn và sáng ;
- 5.— Trán tuy nhỏ nhưng bờ góc rõ ràng ;
- 6.— Tiếng tuy nhỏ nhưng có dư âm ;
- 7.— Mặt tuy nhỏ nhưng đường hoàng ;
- 8.— Thân tuy nhỏ nhưng vững vàng, đoan trang.

Người nhỏ nhưng vững vàng, cân đối ấy là tướng đẹp, tướng phú quý khác thường. Trái lại, trong 8 cái nhỏ này, không được toàn bị, thí dụ : một cái mũi to lù lù ở mặt hay 2 tai to như hai bàn tay, là tướng xấu, phá cách. Tướng như thế thì bần khổ. Toàn bị thì phú quý lâu dài.

Ngũ-trường

Tướng ngũ trường gồm có :

- 1.— Đầu dài
- 2.— Mặt dài
- 3.— Thân dài
- 4.— Tay dài
- 5.— Chân dài

5 thứ kể trên đều dài mà cốt cách đều đặn, thanh tú, da dẻ mỡ màng thì là tướng đại quý. Trái lại, tuy

có 5 thứ đều dài, nhưng xương khô, mạch lộ là phá cách. Tướng như thế thì bần tiện.

Nên chú ý : Người chân dài, tay ngắn là tướng bần tiện ; trái lại chân ngắn (hạ đình đoản) tay dài lại là tướng cực quý.

Ngũ-đoản

Tướng ngũ đoản gồm có :

- 1.— Đầu ngắn
- 2.— Mặt ngắn
- 3.— Tay ngắn
- 4.— Chân ngắn
- 5.— Thân ngắn

5 thứ kể trên đều ngắn mà xương thịt nhỏ nhắn, da dẻ mỏng màng, ấn đường đầy đặn, ngũ nhạc triều cũng là tướng cực quý.

Trái lại, tuy ngũ đoản nhưng xương cốt thô, ngũ nhạc không triều là tướng bần tiện.

Ngũ lộ

Tướng ngũ lộ gồm có :

- 1.— Mắt lồi
- 2.— Mũi huếch
- 3.— Tai phản
- 4.— Răng vầu
- 5.— Hầu lộ

Ngũ lộ cân toàn là tướng phú quý.

Cần phải nhận xét rõ ràng : mắt lồi ra, bạch tinh lộ nhưng hắc tinh không lộ ; mũi huếch nhưng lương-trụ vững vàng ; tai phản nhưng vẫn có thù.

châu ; răng vầu môi hở nhưng mồm vuông, có góc và tiếng có dư-âm ; hầu lộ nhưng không lộ gân.

Ngũ lộ nhưng cổ có trắng và vững vàng thì mới phú quý được.

Ngũ tiêu

Tướng ngũ tiêu gồm có :

- 1.— Đầu nhỏ
- 2.— Mặt nhỏ
- 3.— Bụng nhỏ
- 4.— Tai nhỏ
- 5.— Miệng nhỏ.

5 thứ kể trên tuy nhỏ cả nhưng ngay ngắn, không khuyết hãm là tướng phú quý. Nhưng nếu 4 cái đều nhỏ, lại xen một cái lớn vào thì là phá cách. Ấy là tướng bần-tiện.

Đầu nhỏ nhưng có góc, mặt nhỏ nhưng thanh tú ; bụng nhỏ nhưng tròn trặn mà phì ; tai nhỏ nhưng có thành quách , miệng nhỏ nhưng môi hợp cách, răng đẹp. Có như thế mới là hợp cách.

Lục ác

Tướng lục ác gồm có :

- 1.— Mắt như mắt ong, tâm địa độc ác,
- 2.— Môi không che được răng, anh em bất hòa,
- 3.— Lộ hầu, vợ con thường bị tai ách,
- 4.— Đầu nhỏ bần tiện, không có lộc,
- 5.— Tam đình không đều, bần tiện,
- 6.— Đi như sà hành (uốn éo), tước được (lầy bầy) lao khổ, bôn ba.

Những người phạm vào tướng lục ác không thể ở gần được. Tướng lục ác là tướng bần tiện, độc ác.

Lục tiện

Tướng lục tiện là những tướng sau đây :

- 1.— Không có lòng tu ố (không biết thiện thò, xấu-hỗ)
 - 2.— Chưa nói đã cười (cười rữ-rợi, cười rúc-rích một mình)
 - 3.— Không biết tiến, biết thoái (gặp việc bối-rối, không quyết định).
 - 4.— Ưa chỉ-trích người, bới những nhăm lỏi của người.
 - 5.— Khoe khoang tài giỏi của mình,
 - 6.— A dua, phụ họa người khác,
- Tướng lục tiện không phải là tướng anh hùng hào kiệt mà là tướng tiểu nhân vậy.

Thập sát

Thập sát gồm có :

- 1.— Mắt xanh như tàu lá là nhất sát,
- 2.— Không có người làm-bầm nói một mình là nhị sát,
- 3.— Không có đờm mà khạc nhổ luôn là tam sát,
- 4.— Mặt đỏ bừng bừng là tứ sát,
- 5.— Tinh thần vẩn đục là ngũ sát,
- 6.— Tiếng như tiếng sài, tiếng lang là lục sát,
- 7.— Có râu mà không có ria là thất sát.
- 8.— Ăn uống mà toát mồ hôi là bát sát,
- 9.— Mũi mà ngửng lên như mũi cò là cửu sát,
- 10.— Nách hôi là thập sát.

Thập đại không vong

Ở điều bộ người ta còn có thập đại không vong nữa :

- 1.— Trán nhọn hoắt gọi là thiên-không, như thế quan quý không có phận gì, cả đến tổ nghiệp cũng không được nhờ. Thiếu niên hình khắc, lao đao.
- 2.— Cằm nhọn là địa-không, người ấy tuổi già cô đơn, vợ chồng xa cách, thân thì lạt lẽo, không mấy khi thành công.
- 3.— Lỗ mũi ngửa lên là nhận-không ; người ấy đến trung niên thế nào cũng phá bại, tuổi già tân khổ, con cái chẳng ra gì.
- 4.— Sơn căn thấp tẹt hấn xuống là nhất-không. Người ấy không những tứ thân phụ mẫu không trông cậy gì mà đến cốt nhục cũng vô tình, anh em xa cách, thê tử bất hòa.
- 5.— Có ria mép, không có râu là nhất-không. Người ấy hành-vi lao碌, mưu mòi hồng chín, bè bạn ít tình, có vợ không con.
- 6.— Mặt không có thành trì là nhất-không, người ấy trước có mà sau nghèo ; không nhờ được nghiệp của tổ tiên, chỉ hư hao, không thọ, hay hỏng việc.
- 7.— Tóc ngắn ngắn một nắm là nhất-không, người ấy tính cương cường khắc con, không kính người thân, không trung với người trên (bất trung, bất hiếu).
- 8.— Lệ-đường sâu lõm hấn xuống là nhất-không, người ấy hình thê khắc tử, một đời tân khổ, quắt quéo, tâm địa đảo điên.

- 9.— Mắt không thần quang là nhất-không, người ấy tâm tính hồ đồ, con cái vô duyên, anh em vô tình, không thọ.
- 10.— Có thọ cốt mà không có mi là nhất-không, người ấy có tính độc đoán, không có anh em, tuy thọ, nhưng không được nhờ con cái,

Thập đại thiên la

Thập đại thiên la là :

- 1.— Khí đen hiện đầy mặt là tử khí thiên la,
- 2.— Sắc trắng hiện đầy mặt là tang khốc thiên la,
- 3.— Sắc xanh hiện đầy mặt là ưu chệ thiên la,
- 4.— Sắc vàng hiện đầy mặt là tật bệnh thiên la,
- 5.— Mặt như bôi mỡ là hư hao thiên la,
- 6.— Mặt sáng loáng, ướt, trông nhanh, có ý gian là gian dâm thiên la,
- 7.— Sắc mặt khô, bùng bùng như lửa bốc là quan tư thiên la,
- 8.— Sắc mặt lừ - đừ như say chưa tỉnh là hình ngục thiên la,
- 9.— Tiếng ỏn - ẻn như tiếng đàn bà là cô hình thiên la,
- 10.— Đầu mũi có nốt ruồi, vết, hằn, vằn, như bụi bám là thoái bại thiên la.

Hình thể ngũ hành

Ngũ hành là : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ,

- 1.— Người Kim hình, đầu tròn, mặt tròn, tai trắng, răng trắng, môi đỏ, mình trắng, xương thịt đều đặn, râu tóc thưa, lưng dầy, bụng tròn, tiếng trong trẻo. Bàn tay vuông, dầy, Quyền nổi cao là hợp cách.
- 2.— Người Mộc hình : bàn tay dầy, ngón tay dài, cổ dài, mũi dài, mình gầy, da xanh, đai lưng hẹp, mày thưa, râu thưa, tóc thưa, tiếng nói vang vang, cử chỉ ngang tàng là hợp cách.
- 3.— Người Thủy hình : thịt nhiều, nổi bệu, da đen, bụng phệ, mày thô, tóc đậm, thần mắt lộ, tiếng khàn, miệng rộng, nặng thịt, ngón tay mập, bàn tay to, đi đứng có vẻ nặng nề là hợp cách.
- 4.— Người Hỏa hình : Đầu nhọn, thịt đỏ, tính cấp, râu vàng hoe, mũi lộ xương, quyền phoir xương nhọn, mắt đỏ, lông mày thưa thớt, ngực đột lên, bàn tay nhọn, mỏng, gân lộ, đi đứng vội vàng, tai nhọn, tiếng thô, thanh phá, trán lồi, cao, môi cong, răng lộ là hợp cách.
- 5.— Người Thổ hình : đầu phẳng, đỉnh đầu bằng, mũi và đầu cao dầy, địa-các triều lên, vuông-vắn, da vàng pha đen, bụng phệ, đi đứng vững vàng, cổ ngắn, bàn tay vuông, chân dầy, tiếng trầm, vai dầy, tóc mi rậm, mắt dài, quyền khởi, ngũ nhạc triều là hợp cách.

PHẦN THỨ BA

Luận về hình

Con người ta bẩm thụ hai khí âm dương của trời đất và khí hóa của ngũ hành cho nên đứng đầu cả muôn vật là bởi đầu tượng với trời, chân tượng với đất, mặt tượng với mặt trời, mặt trăng. Tiếng nói tượng với sấm sét, huyết mạch tượng với sông biển. Xương cốt tượng với kim thạch. Mũi, trán tượng với núi non. Lông, tóc tượng với cỏ cây. Trời cốt phải cao xa, đất cốt phải vuông dầy. Mặt trời, mặt trăng cốt phải sáng sủa, sấm sét cốt phải vang động, sông biển cốt phải rộng sâu, kim thạch cốt phải rắn, núi non cốt phải cao, cỏ cây cốt phải tươi tốt. Đó là những điều cốt yếu ~~chân~~ phải biết vậy.

Luận về thần

Hình để nuôi huyết, huyết để nuôi khí, khí để nuôi thần cho nên hình toàn thì huyết toàn, huyết toàn thì khí toàn. Khí toàn thì thần toàn. Vậy nên hình hay nuôi thần là nhờ khí mà yên tĩnh, khí không yên thì thần bạo mà không yên. Yên tĩnh được thần chỉ duy bậc quân tử mà thôi.

Khi ngủ thì thần chạy lên mắt. Lúc mơ thì thần nhập vào tâm. Thế là hình xuất xứ ở thần mà là hiện tượng bên ngoài của hình cũng như ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu ra muôn vật mà cái thần thì vẫn ở bên trong mặt trời, mặt trăng vậy. Mắt sáng, thì thần trong, mắt tối thì thần đục. Trong thì sang đục thì hèn. Trong thì ngủ nhiều mà mơ ít, đục thì ngủ ít mà mơ nhiều. Suy xét được sự ngủ có thể biết

được sang hay hèn. Cho nên cái cảnh hời của mộng mị là bởi thần du ở tâm mà cái sự viễn du của thần cũng chẳng ngoài ngũ tạng, lục phủ và trong khoảng sự mắt thấy tai nghe vậy.

Thần không nên lộ, lộ là thần xuất thì dở. Thần cốt phải ẩn tàng ở trong, khiến cho người ta trông mình mà phải sinh lòng quý phục. Phàm tướng con người ta thà rằng thần có thừa mà hình không đủ; không nên hình có thừa mà thần không đủ.

Thần có thừa thì sang. Hình có thừa thì giầu.

Lại còn phải xét đến khí lượng và trí thức nữa, khí lượng rộng thì mới bao dung nhiều mà đức độ mới cao. Trí thức cao thì mới hiểu biết nhiều và tâm địa mới tốt. Khí lượng hẹp, trí thức thấp kém thì dù có nhiều của cũng chỉ là là tư cách của tiểu nhân thôi.

Luận về hình hữu dư

Hình hữu dư là : đầu tròn mà đầy, bụng to, lưng nở, trán rộng mà vuông, môi đỏ, răng trắng, tai tròn có thành quách, mũi tuấn mà cao như hình trái mật, mắt đen trắng phân minh, lông mi dài mà thưa, vai rộng, rốn đầy, bụng phẳng mà rộng tròn và xệ xuống, đi đứng ngay ngắn, ngũ nhạc đều cao, tam đình xứng đối, thịt mập, xương nhỏ, tay dài, chân vuông, trông bề ngoài có vẻ oai vệ, thế gọi là hình hữu dư, nghĩa là hình thể có thừa. Hình hữu dư thì trường thọ, vô bệnh mà như định phú quý.

Luận về thần hữu dư

Thần hữu dư là : mắt trong trẻo mà sáng quắc, trông thẳng thắn, không hay liếc ngang, trông trộm, mi tốt mà dài, tinh thần hoạt động, nhan sắc sinh tươi, cử

chỉ đường hoàng, oai dung lẫm liệt, lâm sự thì cương-quyết, đối đãi thì phân minh, khi ngồi thì vững vàng như trái núi, lúc nằm thì ngay ngắn như quạ ngủ, giáng đi thì đều đặn như làn nước chảy, điệu đứng thì sừng sững như núi cao, nói năng rõng-rạc, chắc chắn, tính nết thẳng thắn, nghiêm trang, mừng giận không động tâm, vinh nhục không đổi tiết, khi thường, lúc biến vẫn giữ một lòng, thế gọi là thần hữu dư, nghĩa là tinh thần có thừa. Thần hữu dư là bậc thượng quý ít khi gặp tai hung, tức là tướng phú quý phúc hậu thượng cách.

Luận về hình bất túc

Hình bất túc là : đầu nhọn và mỏng, vai hẹp mà lệch, lưng nhỏ, cổ tay ngắn, bàn tay mỏng rách, ngón tay thừa thớt, môi cong hoặc chúm, mũi ngửa, tai phản, lưng lép, bụng thóp. Một mi cong, một mi thẳng, một mắt cao, một mắt thấp, một mắt to, một mắt nhỏ, hoặc một người nhỏ, một người to, một quyền cao, một quyền thấp, một tay có văn, một tay không có văn, khi ngủ mở mắt, đàn ông mà tiếng đàn bà, răng vàng khè và lộ ra, môi mỏng và nhọn, sọ trọc lóc không có tóc, mắt sâu hoáy không thấy con ngươi, giáng đi nghiêng ngả, nhan sắc tái mét, đầu nhỏ mà mình to, trên ngắn mà dưới dài. Thế là hình bất túc, nghĩa là không đầy đủ, Hình không đủ thì nhiều bệnh mà yếu mạng, phúc bạc mà nghèo hèn.

Luận về thần bất túc

Thần bất túc là : không say mà tựa say, lúc nào cũng như có bệnh, không sâu mà tựa sâu,

lúc nào cũng như lo buồn, không ngủ mà như ngủ dậy, người coi chờ đợi, không khóc mà như người muốn khóc, giáng đi kinh sợ, không điên mà tựa điên, không mừng mà tựa mừng, không sợ mà tựa sợ, không ngây mà tựa ngây, giáng điệu lật đật, nhan sắc xanh hoặc bênh-bệch, thần sắc tái mét, hoảng hốt, phấp phồng, tựa như lo sợ hãi hùng, tiếng nói nhỏ nhẹ, rời rạc hoặc nghẹn ngào tựa như xấu hổ, như bị lảng nhục, sắc mặt đang tươi bỗng sạm mét, tiếng nói đang nhanh bỗng chậm dần, đó là thần tức nghĩa là thần không đầy đủ.

Thần không đầy đủ thì thường bị hoạn nạn, lao tù, gian truân, vất vả, nếu có chức vị rồi cũng bị thoái lạc.

Luận về tiếng

Người ta có tiếng cũng như chuông trống có thanh-âm. Thễ lớn thì tiếng to, thễ nhỏ thì tiếng ngắn. Thần trong thì khí hòa, khí hòa thì tiếng to mà vang. Thần đục thì khí yếu, khí yếu thì tiếng ngắn mà khàn. Cho nên tiếng của bậc quý-nhân phần nhiều xuất tự đan - điền cùng với tâm khí thông nhau hòa hợp lại mà phát ra ngoài. Đan - điền là gốc của thanh - âm mà lưỡi là ngọn của thanh-âm vậy.

Gốc có sâu thì ngọn mới nặng, gốc nông thì ngọn phải nhẹ, vậy nên thanh-âm phát ở gốc mà hiện ra ngọn. Bởi thễ tiếng nhẹ nhàng mà có lực, mạnh mà có thanh - âm, to thì như tiếng chuông, tiếng trống, nhỏ thì như tiếng đàn sắt, đàn cầm, ấy là tiếng quý vậy. Tiếng nói của kẻ tiểu - nhân

đều phát ra ở trên đầu lưỡi, cấp bách mà không đạt, hoặc mau mà rè, chậm mà khàn, sâu mà trì trệ, nông mà láu táu. Có khi tiếng to mà rời rạc, hoặc tiếng nặng tiếng nhẹ không đều, lú lo mà không thành tiếng hoặc láu táu mà ngắn hơi, hoặc như tiếng chuông vỡ, trống thủng, nhỏ thì như giun kêu, dễ khóc, tiếng không ra khỏi mồm. To thì như chó cắn, dê kêu, tiếng phát ra ông ổng, đều là tiếng bần tiện cả.

Lại còn đàn ông mà tiếng đàn bà là nghèo hèn, đàn bà mà tiếng đàn ông là phương hại. Minh to mà tiếng nhỏ là dở, hoặc tiếng nói đang to lại nhỏ gọi là tiếng sống mái (thư hùng), hoặc trước chậm sau mau, hoặc trước mau sau chậm, hoặc chưa hết câu mà đã hết hơi, hoặc sắp nói mà sắc mặt tái mét đều là tướng hạ tiện cả. Bởi vì thần có định ở trong thì khí mới hòa ra ngoài, rồi mới có thể ăn nói, giao thiệp với người được. Nếu thần không yên mà khí không hòa thì thanh âm phải mất thứ tự trước sau nên lời nói và sắc mặt trái nhau vậy.

Người ta ở đời đã bầm thụ hình thể của ngũ hành, thì thanh âm cũng phải là tượng-trung của ngũ hành, cho nên tiếng thổ thì cao mà rần rỏi ; tiếng mộc thì cao mà to ; tiếng hỏa thì the-thé ; tiếng thủy thì vừa mau vừa chậm ; tiếng kim thì hòa hoãn.

Tướng pháp nói : Tiếng nhẹ quá thì xét việc không tới. Tiếng đục thì mưu việc không đạt ; tiếng thấp thì ngu hèn ; tiếng trong trẻo như suối chảy trong khe thì cực quý. Tiếng oang oang như tiếng nói ở trong chum vò phát ra là tướng hưởng toàn ngũ phúc.

Tiếng không có hình, nhờ khí (hơi) mà phát ra, kẻ hèn thì tiếng nặng đục, người sang thì tiếng trong trẻo, tiếng nhỏ quá thì dễ khiếp nhược, tiếng cứng cỏi quá thì dễ dập gãy. Tiếng nói to mà vang, cách xa vẫn nghe rõ ràng, gọn ghẽ, ấy là tướng quý-nhân. Người nhỏ bé mà tiếng to, làm đến quan chức to. Người to lớn mà tiếng nhỏ bé thì yếu mạng. Tiếng như lệnh vỡ, sản-nghiệp tiêu-tan. Tiếng như lửa reo thì bôn-ba lộn-độn. Trai mà tiếng gái thì phá sản. Gái mà tiếng trai thì hại chồng.

Luận về khí (hơi)

Đá có ngọc thêm đẹp, cát có vàng thì sông mới trong, đó là bởi tinh-hoa của báu ngọc nó hiện ra màu sắc mà phát ra khí vậy. Hình tức như cái quả bóng phải nhờ hơi mà to. Thần hoàn toàn thì hơi nhiều, thần yếu thì hơi tĩnh. Thành bại không đủ làm hại đến khí, mừng giận không đủ hại đến thần, như vậy mới có đức, có lượng tức là tướng trọng-hậu có phúc vậy.

Hình như loài cây, có loài cây quý, có loài cây tầm thường, có loài cây nhẵn nhụi, có loài cây gai góc. Thần cũng như đất để nuôi cây làm đồ dùng. Tiếng tức là đồ dùng, đồ dùng thì có thứ tốt thứ xấu. Người quân-tử thì khéo dùng cây nuôi đức và khéo dùng đồ vật, còn kẻ tiểu-nhân thì không thế. Khí mạnh có thể chế-ngự được mọi vật, khí hòa có thể điều lý được mọi sự. Cứ xem đồ dùng nông hay sâu, xét hình sắc động hay tĩnh có thể phân biệt được quân-tử hay tiểu-nhân.

Hơi dài mà thư thái, hòa hoãn là người phúc thọ. Hơi cấp bách không đều là kẻ hèn hạ.

Người già béo thở mau và mạnh, người trẻ, gầy thở chậm và yếu. Hơi thở phát ra sắc mặt tức có chứng triệu của sự cát hung vậy. Hơi thở không là tiếng hoặc nằm ngủ mà không nghe thấy tiếng thở gọi là « Rùa ngáy ». Thở hít hỗn-hồn mà thân thể chuyển động là triệu chứng sắp chết. Hơi là gốc của hình-thể, người quân-tử thì hơi thở khoan hòa thư thái, kẻ tiểu-nhân thì hơi thở cấp bách, hỗn loạn. Hơi thở cấp bách thì hèn hạ, tai nạn. Hơi thở thư thái thì sang mà có phúc.

Luận về tướng xương cốt

Xương cốt tượng trưng về loài kim thạch ; cần phải cứng không mềm, cần phải tròn không nên thô. Tuy gầy nhưng không nên lộ xương. Thịt không kín xương mà xương lộ ra là tướng xấu hay gặp tai nạn. Béo (mập) mà không lộ thịt, nghĩa là nên béo lẫn không nên bệu. Hai bên nhật giác và nguyệt giác có xương thẳng cao lên gọi là Kim thành cốt thì làm đến đại thần (tam công). Từ Ấn đường lên đến Thiên đình có xương nổi cao gọi là Thiên trụ cốt. Từ Thiên đình lên đến đỉnh đầu có xương nổi lên gọi là Tê cốt làm đến Công khanh. Hai bên gò má gọi là quyền cốt chủ về quyền thế. Quyền cốt liền với tai gọi là Ngọc lương cốt chủ về thọ khảo. Từ vai đến khuỷu tay gọi là Long cốt cần phải dài và to. Từ khuỷu tay đến bàn tay gọi là Hồ cốt cần phải ngắn và nhỏ. Xương cần phải tròn và rắn, kín mà không thô. Góc trán gọi là Địch mã cốt, trên mắt bên tả gọi là Nhật giác cốt, trên mắt bên hữu gọi là Nguyệt giác cốt.

(Coi hình vẽ ở mục Khí sắc)

Xương là dương, thịt là âm.

Xương tròn rắn thì giàu sang. Xương mềm và nhẹ thì nghèo hèn. Xương mềm và yếu thì thọ mà khổ. Xương hình mộc thì gầy mà sắc đen, hai đầu to mà thô thì nghèo khổ. Xương hình Thủy hai đầu nhọn thì giàu sang. Xương hình Hỏa thì hai đầu thô là người kém đức mà hèn hạ. Xương hình Thổ to mà da dày thì nhiều con và giàu. Xương thịt cứng rắn và thô thì thọ nhưng khổ. Trán hoặc quai hàm có xương mọc như trôn ốc thì hậu vận phú quý.

Luận về thịt

Thịt đẻ sinh ra huyết và bao bọc lấy xương. Thịt tượng trưng với đất, đất sinh ra muôn vật và nuôi muôn vật vậy. Thịt cần phải nhiều nhưng không nên có thừa, dù gầy nhưng không nên thiếu. Thịt thừa là : âm thắng hơn dương ; thiếu thì dương thắng hơn âm. Âm dương không đều gọi là tướng Thiên thắng. Thịt cốt rắn và chắc. Thịt không nên sát vào xương tức là âm bất túc. Xương không nên lộ ra ngoài thịt tức là âm hữu dư. Cho nên nói rằng : người béo thì hơi ngắn, ngựa béo thì hơi trống, đó là nói thịt không nên nhiều mà xương không nên ít vậy. Người béo (mập) sớm hoặc béo tự nhiên mà hơi thở như xuyên tức là chứng triệu chóng chết. Béo nhưng thịt không nên có vắn, gân lộ ra tạp loạn cũng là triệu sắp chết. Thịt cốt phải thơm và ẩm, da cốt phải trắng và nhuận, nhỏ mịn mà nhẵn, đều là tướng tốt cả, sắc sạm mà khô, da đen mà hơi khét, thịt nhiều lưng bụng đều là tướng xấu cả.

Còn như thần không xứng thể, gân không lộ xương, thịt không dính thân, da không bọc, thịt là tướng chóng chết vậy.

Luận về tướng đầu

Đầu là khu vực cao quý của cả thân thể, là chòm các hài cốt, là nơi tụ hội của mọi dương khí, là chỗ hệ thống của ngũ hành. Hình tròn mà ở nơi cao nhất, tượng trưng với trời. Đầu cần phải to và cao. Da cần phải dày. Trán cần phải rộng. Đầu dài thì phải vuông, ngắn thì phải dầy. Đầu lồi cao thì sang, thấp hãm thì yếu. Da mỏng thì bần tiện. Đầu có thịt cao như cái sừng thì đại quý. Đầu lép bên hữu thì khắc mẹ, lép bên tả thì khắc cha.

Sau mang tai xương gọi là Thọ cốt, xương này cao thì trường thọ, thấp hãm thì yếu. Giữa huyệt thái-dương mà có xương cao gọi là Phù-tang-cốt. Bên trên tai có xương gọi là Ngọc-lân-cốt, chủ phú-quý. Khi đi, đầu lắc lư, nghiêng ngả, khi ngồi, cúi gằm đầu xuống đều là tướng bần tiện cả.

Luận về tướng trán

Trán là Hỏa-tinh, là ngôi của Thiên trung, Thiên đình và Tứ không đều ở trán cả và là nơi phân biệt sang hèn vậy. Trán cần phải cao, nở và rộng, đứng sừng như bức tường, sáng sủa mà rộng, vuông mà dài là tướng quý và thọ, lép bên tả hay lép bên hữu thì khắc phụ mẫu.

Luận về mặt

Mặt là khu vực tụ hợp của Lách-bộ, là đường lối của sáu phủ, là thành-tượng của ba tài, hay dở, tốt xấu

của con người ta đều do ở mặt cả. Cho nên ngũ-nhạc, tứ-độc cần phải tương-đối, tam-dinh cần phải nở nang. Giáng mặt doan-chính, thần tĩnh, khí hòa là nền tảng phú quý. Nếu mặt lệch, méo hoặc nghiêng ngả, khuyết hãm mà sắc mặt tối sạm, khí mạo xấu xí đều là tướng hèn hạ. Bởi vậy mặt trắng mà bóng như mỡ bôi hoặc đen như màu sơn bóng, vàng như màu thóc luộc, tía như màu cánh gián thì đại phú quý. Sắc mặt hồng đỏ rực như bốc lửa thì đoán mệnh, chóng chết. Mặt mọc nhiều lông mà sắc tối sạm hoặc khô khan, trông như bụi bặm thì nghèo hèn mà chết non. Sắc mặt lổng biển xanh ngắt như màu chàm là người độc ác. Mặt như nắm tay thì trai khắc con mà nghèo, gái khắc chồng mà hèn. Mặt như khuôn trăng đầy đặn thanh tú mà thần thì sáng quắc, trai thì khanh tướng, gái thì hoàng hậu, phu nhân. Da mặt dày thì tính thuần mà có hiếu. Da mặt mỏng thì tính nhanh mà nghèo. Mình béo mặt gầy thì thọ mà tính chậm. Mình gầy mà mặt béo tính nóng mà yếu. Mặt trắng mà mình đen thì tính dễ dãi mà hèn hạ. Mặt đen mà mình trắng thì tính khó khăn mà sang. Mặt như quả dưa vàng thì phú quý, vinh hoa, mặt như quả dưa xanh là bạc hiển-triết. Đối diện mà không thấy tai là đại quý, đối diện mà không thấy má là đại bất hảo. Mặt to thân nhỏ thì tốt. Mặt nhỏ thân to thì nghèo.

Luận về lông mi

Mi là vẻ đẹp cho hai mắt, chủ sự hiển ngu của con người. Mi cốt phải thanh mà nhỏ, bằng

mà rộng, tốt mà dài, là người thông minh. Nếu thô mà đậm, ngược mà loạn, ngắn mà áy là người hung ác. Mi dài hơn mắt thì phú quý, ngắn không bằng mắt thì nghèo cùng. Mi cao là người cương trực, mi cao mà cứng thì tính hòa. Đuôi mi quắp xuống tính nhát. Hai mi giao nhau thì nghèo mà khắc anh em. Mi mọc trái thì bất lương mà hại vợ con. Xương mi cao gồ thì hung ác mà vất vả. Trong mi có nốt ruồi thì thông minh mà sang. Mi cao lên trán thì đại quý. Mi mọc lông trắng thì thọ. Mi trên có nhiều vạch thẳng thì phú quý, có nhiều vạch ngang thì nghèo hèn. Mi có chỗ khuyết thì nhiều mưu gian. Mi thừa như không thì giả dối. Mi cao mà dài thì uy quyền phúc lộc. Mi dài rủ mắt thì đại thọ. Lông mi tốt đẹp là người quan chức. Mi như vòng cung là người phúc thiện. Mi như vành trăng đầu tháng thì thông minh siêu việt. Mi nhỏ như sợi tơ rủ xuống là người tham lam, dâm dật mà không con. Mi đậm như con tằm là người hiếu sắc. Mi dài hơn mắt thì trung trực có lộc. Mi ngắn hơn mắt tâm tính cô độc. Hai đầu lông mi giao lại và rối loạn thì anh em bất hòa. Mi có lông soáy tròn ốc thì hiếm anh em hoặc có dị bào.

Các kiểu Mi

Mi thừa thoáng chủ hao tài, ít anh em, suốt đời vất vả.

Mi chồi xề chủ phúc thọ, đông anh em nhưng bất hòa, hậu vận tán tài, trong anh em có người vô tự.

Mi chữ bát: chủ thọ mà hiếm con, hiếm cả anh em.

Mi lá liễu khá đông anh em nhưng vô tình, muôn con nhưng có con danh giá.

Mi lưỡi kiếm có uy quyền, con cái nhiều mà thọ.

Mi ngắn mà rậm ít anh em nhưng danh giá, có đức mà thọ.

Mi soáy tròn ốc ít anh em, anh em hay bị hình án, nhưng là tướng anh hùng.

Mi chữ nhất không có anh em, thiếu niên đã hiển đạt, công danh, phú quý, thọ khảo.

Mi con tầm — như con tầm nằm ngủ — khá đông anh em, đỗ đạt công danh sớm, v.v...

Luận về mắt

Trời đất có mặt trời, mặt trăng, người ta có hai mắt. Mắt bên tả tượng với mặt trời, ứng về cha. Mắt bên hữu tượng với mặt trăng ứng về mẹ. Khi mơ, mộng thì thần còn ở tâm, khi ngủ hẳn thì thần du lên mắt. Mắt dài mà sâu và sáng thì đại quý. Mắt đen nhánh như sơn đen thì thông minh, văn chương. Mắt nhỏ sâu thì trường thọ và tính kín đáo. Mắt nông mà lộ nhãn thì yếu. To mà lồi, tròn mà dữ thì đoản mệnh.

Mắt lồi mà liếc nhanh thì gian dân. Mắt có tia đỏ chạy qua đồng tử thì bất đắc kỳ tử. Mắt như mắt dê thì cô độc mà ác. Mắt ngắn mà nhỏ thì ngu hèn. Dưới mắt như hình con tầm thì có quý tử. Đàn bà, dưới mắt sắc đỏ, thường có bệnh sản. Mắt cần phải ít lòng trắng nhiều lòng đen mới tốt. Hai

mắt là cung tử tức, cần phải đầy đặn không được khuyết hãm. Mắt đẹp mà dài là tướng công khanh. Mắt to mà sáng thì nhiều ruộng đất. Đầu mắt sứt mẻ tán tãi phá sản. Mắt lồi mà trắng dễ bị tử trận. Mắt như mắt phượng thì quan chức to. Mắt có 3 góc thì đại ác. Mắt ngắn mi dài có nhiều ruộng. Mắt lồi trô trố thì yếu tử. Mắt đỏ mà con người vàng khè thì yếu. Mắt sáng như điện thì đại quý. Mắt dài một tấc làm đến khanh tướng. Mắt phượng người rỗng bụng lộc muôn chung. Mắt hình như mắt ong, mắt gà, cô độc mà bất đắc kỳ tử. Mắt như mắt rắn thì hiểm-ác, cô-độc, hình-tù. Đàn bà mắt như mắt dê, có nhiều nhân tình (gian phu). Mắt vàng-vàng là người từ bi. Mắt dài, nhỏ và trắng nhiều hơn đen thì hèn. Mắt bên hữu nhỏ hơn thì gái sợ chồng. Mắt bên tả nhỏ hơn thì trai sợ vợ. Lòng đen ít, lòng trắng nhiều, chẳng hình tù cũng phá sản.

Các kiểu mắt

Mắt phượng thì thông minh siêu quần.

Mắt voi thì phú quý, phúc thọ và nhân đức.

Mắt hùm thì cương trực, uy quyền.

Mắt hạc thì khí cao minh, công danh, phú quý.

Mắt cá, nhãn lộ, thần ám, chết non.

Mắt rắn (con người đỏ mà lộ) vô ơn, bội nghĩa, giai gian trá, gái độc ác.

Mắt mèo, tính ưa nhân, hay dựa thế lực người mà giàu sang v.v.v.

Luận về tướng mũi

Mũi là trung nhạc thuộc thổ, và là tiêu biểu của phổi. Đầu mũi tròn, lỗ mũi kín đáo, hai bên lan-dài, đình úy (hai bên lỗ mũi) xứng đối là tướng phú quý. Cao mà sống mũi vững thì thọ. Như mặt treo, như ống tre chẻ đôi thì phú quý. Đầu mũi nở to là người lương thiện, nhọn mà nhỏ là người gian xảo. Mũi có nhiều nốt ruồi đen thì gian truân, có vân vạch ngang thì hay bị thương xe, ngựa. Có vân dọc thì hay có con nuôi. Sống mũi tròn mà thẳng đến ấn-đường thì ít ốm đau, có vợ đẹp. Mũi ngửa mà lỗ huếch thì nghèo mà yếu. Mũi như mỏ diều hâu' thì bon-chen của người. Mũi thành ba khúc thì cô độc mà phá sản. Mũi gãy ba đảnh, anh em phân ly. Đầu mũi có vết đỏ, bên tả đông tây. Mũi cao ngang với thiên-đỉnh, bốn biển lừng danh. Sống mũi không xương chết non. Lỗ mũi rỗng tuếch, trông thấy xương thì chết đường. Đầu mũi nhọn mà vẹo-vọ thì tuyển-toàng vô tư cách. Mũi không thẳng là người khi trá. Mũi tựa túi thắt, phong lưu suốt đời. Mũi sáng mà bóng, phú quý. Mũi thẳng mà đầy, con cái danh giá. Mũi sứt mẻ thì cô độc, đói khát.

Mũi lệch về tả cha mất trước. Mũi lệch về hữu, mẹ chết trước. Răng vầu, mũi lộ, chết đói giữa đường.

Các kiểu mũi

Mũi trâu, to mà đều đặn, tính hay bao dung mà giàu.

Mũi điều-hâu, sống mũi lộ, đầu nhọn, hai bên thất ngắn, đại ác, gian hiểm.

Mũi củ tỏi, trên nhỏ, dưới to, hậu vận tốt.

Mũi sống gươm, gầy, nổi sống gươm, đầu mũi không có thịt. tính gian trá, hung ác, cô độc, lao碌.

Mũi tẹt, sống mũi thấp tẹt, đầu mũi nhỏ thấp, nghèo mà chết non hoặc hay ốm yếu.

Luận về nhân-trung

Nhân-trung ở mặt người cũng như lạch trên mặt đất. Ngòi lạch có sâu và thông thì nước mới chảy mà không úng tắc, nếu nông và hẹp thì nước khó lưu thông được. Nhân-trung dài hay ngắn thì ứng về số mệnh thọ hay yếu. Nhân trung rộng hay hẹp thì ứng con cái ít hay nhiều.

Nhân trung tức là cung thọ mệnh và cung tử-tức vậy. Nhân-trung cốt phải dài, trong sâu mà ngoài rộng, thẳng mà không vẹo mới quý. Nếu nhân-trung nhỏ mà hẹp thì nghèo, đầy mà phẳng thì gian-nan vất-vả. Trên hẹp mà dưới rộng thì nhiều con. Trên rộng dưới hẹp ít con. Trên dưới đều nhau mà giữa rộng thì sinh dưỡng vất vả. Trên dưới đều thẳng mà sâu thì nhiều con. Trên dưới phẳng mà rộng thì không con. Sâu mà dài thì thọ, nông mà ngắn thì yếu. Nhân trung vẹo-vẹo là người bất tín. Nhân trung ngay thẳng là người trung nghĩa. Ngay thẳng mà rú xuống thì giàu và thọ. Nhỏ mà ngắn như co rút lại thì hèn hạ mà yếu. Rộng như ống tre bỏ đôi mà sáng-sủa thì quan chức to. Nhỏ như sợi chỉ thì nghèo hèn mà cô độc, vô tự. Nhân trung có nốt ruồi ở trên thì nhiều trai, có nốt ruồi ở

dưới thì nhiều gái. Có nốt ruồi ở giữa thì dễ lấy vợ nhưng khó nuôi con. Có hai nốt ruồi thì hay sinh dòi. Có văn chạy ngang thì đến già cũng không con. Có văn chạy dọc thì phải nuôi con nuôi, và con hay có tật. Nhân-trung phẳng lì như không thì không có con (không sinh đẻ). Nhân trung lệch về bên tả thì khắc cha, lệch về bên hữu thì khắc mẹ.

Luận về tướng miệng

Miệng là cơ quan nói năng, là khí cụ ăn uống, lại là cửa ngõ của trái tim, hay dở đều ở đó mà ra cả. Ngay thẳng thận trọng gọi là khẩu đức, gièm pha lắm điều gọi là khẩu tặc. Miệng vuông rộng cổ góc thì sang mà thọ. Miệng như góc cung thì có quan lộc Rộng to mà đầy, có phúc mà giàu. Ngay ngắn, đầy đặn thì phong lưu. Miệng như chữ Tứ thì giàu có. Nhọn mà méo, lệch mà mỏng thì nghèo hèn. Miệng rộng đứt lốt năm tay thì xuất tướng, nhập tướng. Miệng rộng môi đầy, hưởng lộc muôn chung. Hay nói một mình, hèn hạ. Không nói mà môi nhấp-máy là tướng chết đói. Môi thâm sì hoặc tái ngắt thì vất-vả. Miệng há răng lộ thì đoảng, không có có mưu. Miệng có nốt ruồi chỉ ham ăn uống. Môi đỏ như son thì phong lưu sang trọng. Miệng nhỏ, rúm-ró thì nghèo khổ.

Môi là thành quách của miệng, lưỡi là gươm giáo của miệng. Thành quách cần phải đầy, gươm giáo cần phải sắc, đầy mà không thọ, sắc mà không nhơn là tướng hay. Miệng

to mà lưỡi nhỏ thì nghèo khổ. Miệng nhỏ nghèo hèn. Miệng cần phải đỏ, tiếng cần phải thanh, lưỡi phải ngay, môi phải đầy. Miệng không thấy môi thì có binh quyền. Miệng nhọn hoắt thì ăn mây. Miệng như lưỡi thắt thì chết đói. Miệng rộng mà lưỡi mỏng, ưa hát xướng, đàn ca.

Các kiểu miệng

Miệng hùm, to và rộng đứt lọt năm tay thì đại phú quý, có uy có đức.

Miệng trâu, hai môi đầy mà nở : phú quý, thọ, khôn ngoan, tinh hoạt,

Miệng lợn, môi trên dài, thô rộng, môi dưới nhọn, mép hay chảy rãi : tinh hay gièm pha, hiểm độc, nửa đời về sau khổ.

Miệng vương, kín đáo không lộ răng, môi đỏ mà bóng : đại phú quý, vinh hoa.

Miệng như chữ Tứ, hai môi đều đặn, hai góc hơi triều lên, sắc đỏ, răng trắng đẹp nữa thì thông minh, đại phú quý.

Miệng thối lửa, rúm-ró, mở nhọn ra thì nghèo khổ, phá của tổ tiên để lại mà yếu.

Miệng thuyền úp — như cái thuyền úp xuống—môi thâm thì nghèo khổ, ăn mây v. v...

Luận về tướng môi

Môi là thành quách của miệng, là cửa của lưỡi, vinh nhục quan hệ ở đó. Môi cần phải đầy, không nên mỏng, cần phải có góc, không nên co rúm. Môi đỏ như son thì sang mà có phúc. Môi xanh như tràm thì vất vả, tai nạn mà yếu. Môi sẫm thì bệnh tật mà chết một cách đau khổ. Sắc đỏ tía mà bóng thì sang suồng, sắc trắng mà đẹp thì sang, có vợ

giỏi. Sắc vàng pha đỏ thì có quý tử. Môi co rúm thì chết non. Môi mỏng dính thì hèn-hạ. Môi trên dài thì khắc cha trước, môi dưới dài hơn thì khắc mẹ trước. Môi trên trắng thì ăn nói sảo trá, môi dưới trắng thì nghèo hèn vất-vả. Hai môi đầy đều nhau là người trung tín. Hai môi đều mỏng thì hay nói càn mà hèn. Môi trên môi dưới không che nhau thì nghèo hèn, trộm cắp. Hai môi xúng nhau thì ăn nói thẳng-thắn. Môi có văn thì nhiều con, chúm không có văn thì cô độc. Môi xanh và đen thì chết đói giữa đường. Môi phẳng lì cũng chết đói. Môi dài, răng ngắn thì thọ. Môi sứt mà sắc hãm thì hèn-hạ. Môi méo hoặc lệch ăn nói quang siêu.

Luận về lưỡi

Lưỡi là ngọn của trái tim, là then máy linh động và mọi sự hay dở của con người. Lưỡi cốt phải ngay thẳng, dài mà to là tướng tốt. Dài mà hẹp thì hèn mà gian trá. Ngắn mà mỏng thì vất-vả mà gian dối. Nhỏ mà nhọn là người tham. Lưỡi dài chấm đầu mũi thì làm đến vương hầu. Lưỡi to mà cứng như bàn tay làm đến khanh tướng. Lưỡi đỏ như son thì sang, đen thì hèn, sắc đỏ tía như máu thì nhiều lộc, sắc trắng như vôi thì nghèo. Trên lưỡi có văn thẳng làm đến công khanh. Trên lưỡi có văn vòng quanh thì sang. Lưỡi đầy mồm thì giàu. Trên lưỡi có nốt ruồi hay gian dối. Lưỡi như lưỡi rắn là người thâm độc. Lưỡi khuyết như khoét sâu xuống thì vất-vả. Chưa nói mà lưỡi đã thò ra là người hay nói càn bậy. Chưa nói mà lưỡi liếm môi là người dâm-dật. Miệng

nhỏ mà lưỡi to, nói rằng không dứt khoát. Miệng to mà lưỡi nhỏ ăn nói liền thoảng. Lưỡi nhỏ mà ngắn thì nghèo. Lưỡi nhỏ mà dài thì quan sang. Lưỡi không có vằn là người tầm thường.

Luận về răng

Răng là lưỡi gương của miệng. Răng cần phải to mà mau, dài mà thẳng, nhiều mà trắng là tốt. Răng mau kin, bền chặt thì trường thọ. Răng khắp khềnh, mọc lầy thì giao quyết. Răng mọc ngang mà vầu thì yếu, Răng thừa mà khắp khềnh thì nghèo nàn, ngắn mà sứt thì ngu lẩn. Răng khô, ráo hoảnh thì chết non. Nói không thấy răng thì phú quý. Thiếu niên đã rụng răng thì yếu. Răng 38 chiếc thì làm đến vương hầu, 36 chiếc thì khanh tướng, 34 chiếc thì phú quý, 32 chiếc thì thường nhân, phúc thọ, 30 chiếc thì bình thường. Răng trắng muốt làm gì cũng thành. Răng vàng khè làm gì cũng hỏng. Răng như ngọc thì phú quý, như bạc thì phong lưu. Răng như hạt lựu thì phúc lộc, như mũi gương thì thọ, như hạt gạo thì thượng thọ, như quả dầu thì yếu. Chân răng to, đầu răng nhỏ thì tinh thọ tục : chân răng nhỏ, đầu răng to, tinh biến lẩn. Răng trâu thì vinh hoa. Răng chuột thì nghèo mà yếu. Răng chó thì độc ác. Răng trắng mà kin thì phú quý. Răng đen, thừa thì vất vả. Răng dài mà thẳng thì cực quý. So-le, khắp khềnh là người khi trá.

Luận về tai

Tai là cơ quan của tâm và thân. Thân khi vượng thì tai thông sáng. Thân khi hư thì tai kém thính. Tai dầy mà cứng, cao mà dài là trường thọ.

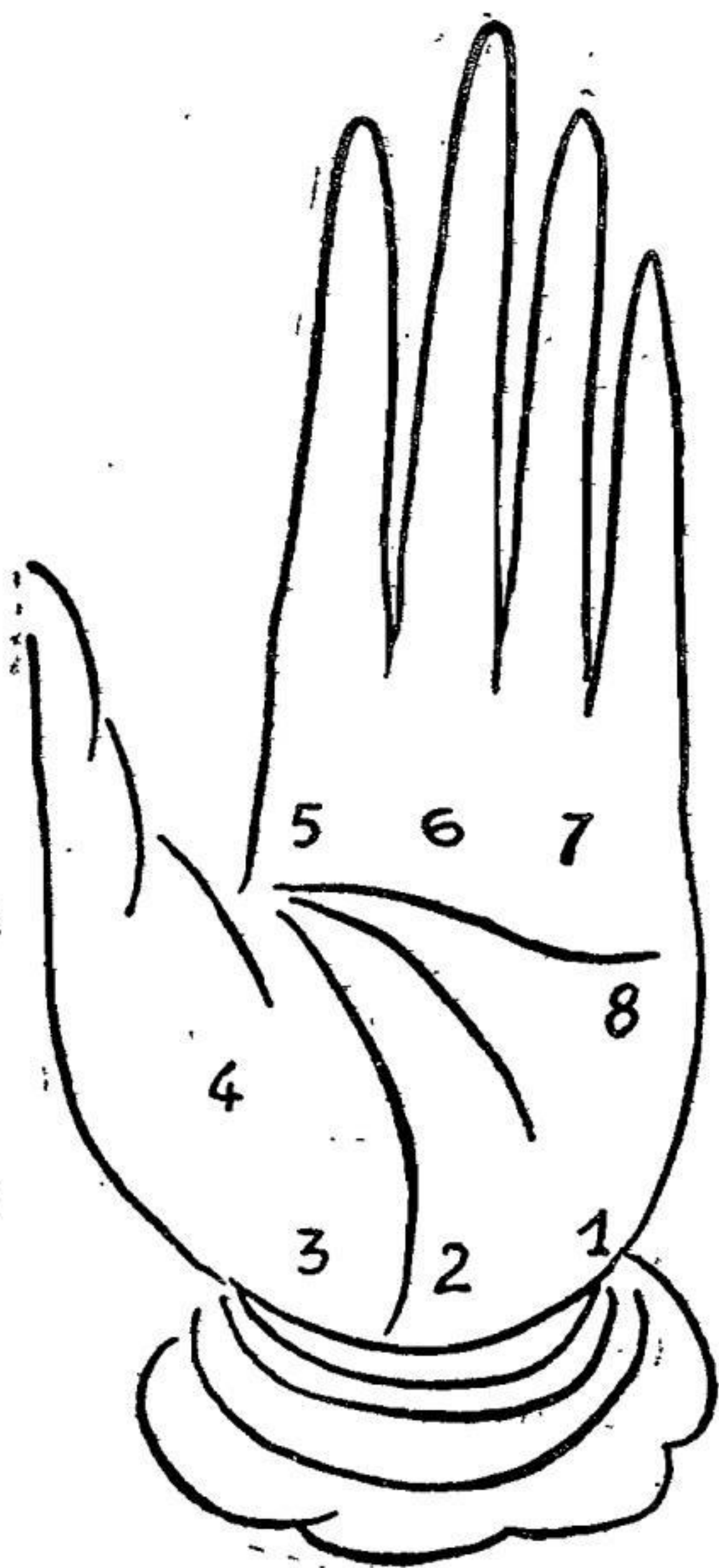
Thành quách phân minh, có thủy châu thì thọ mà giàu. Tai đầy nhiều thịt thì giàu có. Trong tai có lông thì thọ, tai có nốt ruồi có quý tử thông minh. Lỗ tai rộng thì khôn ngoan. Tai đỏ mà bóng thì đại quý, trắng thì có danh vọng, lía và đen thì nghèo. Tai mỏng mà bướng về đằng trước thì bán hết ruộng đất. Tai phải mà lệch thì vô gia cư. Tai to tai nhỏ thì vất vả. Sáng sủa, bóng-bẩy, tiếng tăm lừng lẫy. Khô đen thô sạm thì nghèo hèn, ngu độn. Cao mà dài nhiều lộc, đầy mà tròn thì giàu có. Trắng bệch như giấy thì yếu. Tai thỏ thì bần cùng. Tai chuột thì nghèo mà yếu. Tai mỏng mà nhọn hoắt thì yếu. Tai cao hơn mặt là bậc thông minh, bậc làm thầy. Tai trắng hơn mặt có danh tiếng lẫy-lừng.

Luận về chân tay

Hai tay, hai chân gọi là tứ chi để tượng trưng tứ thời. Lại thêm cái đầu nữa gọi là ngũ thể, để tượng trưng ngũ hành. Cho nên không đều hòa thì vạn vật không đầy đủ. Tứ chi không thẳng thắn thì suốt đời khổ sở, ngũ hành không lợi thì vạn vật không sinh, ngũ thể không xứng đối thì một đời nghèo khổ.

Chân tay cần phải mềm và nhẵn nhụi, không lộ gân xương, da phải trắng đẹp như ngọc, trơn tru như ngà, mềm mại như bông là tướng phú quý. Nếu thô, cứng, gân lộ, xương lộ, da như củi khô, răn như đá đều là tướng hèn hạ.

- 1 cần : phúc-đức
2 khảm : diên-trạch
3 cần : huynh-đệ
4 chấn : thê thiếp
5 tổn : tài lộc
6 ly : công danh
7 khôn : tử tức
8 đoài : nô bộc



Nói về tay

Tay cốt để cầm và chủ về sự cho và lấy. Vắn tay dài thì thiện mà hay bố thí, ngắn và dầy thì hay biền lận, gian tham. Tay dài quá gối là bậc hiền tài. Tay quá ngắn suốt đời bần tiện. Mình nhỏ mà tay to có phúc lộc. Mình to mà tay nhỏ thì bần

cùng. Tay mỏng thì nghèo, dày thì giàu. Tay thô mà cứng thì hèn hạ. Tay mềm nhỏ thì thanh bản. Tay thơm thì phong lưu danh giá. Tay hơi thối thì hèn hạ. Ngón tay nhọn mà dài là người anh tuấn. Ngón ngắn, trùng trục thì ngu hèn. Ngón tay mềm mà kín cò nhiều của. Ngón tay cứng mà thưa thì phá sản. Ngón tay như búp măng thì thanh quý. Như dài dục thì ngu hèn. Ngón tay như dọc hành có nhiều lộc. Thò như mấu tre thì nghèo hèn. Tay mỏng mà cứng như chân gà thì ngu mà nghèo. Tay mềm như túi đựng bông thì đại phú. Da ngón tay liền như chân vịt thì đại quý. Bàn tay dài mà dầy thì sang. Bàn tay ngắn mà mỏng thì hèn. Bàn tay cứng mà tròn thì ngu. Bàn tay mềm mà vuông thì khôn. Bàn tay chung quanh cao mà ở giữa trũng thì giàu. Chung quanh mỏng mà giữa phẳng thì tán tài. Bàn tay quang nhuận thì phú quý. Bàn tay khô khăng thì bản cùng. Bàn tay đỏ như huyết thì phú quý vinh hoa. Bàn tay vàng khè thì hèn hạ. Bàn tay xanh lè thì nghèo khổ. Bàn tay trắng bệch thì bản tiện. Giữa bàn tay có nốt ruồi thì khôn ngoan mà giàu.

Đại để tay cốt phải dài và mềm, bàn tay bằng mà dầy, xương phải tròn mà kín, cổ tay phải nhỏ, ngón tay phải nhỏ. Ngón tay có một ngón thì hèn hạ, lồi tó, ba ngón thì tốt. Con trai tay mềm như bông thì công khanh. Con gái ngón tay như búp măng thì phú quý.

Luận về bàn tay

Bàn tay có văn cũng như cây có thớ. Cây có thớ đẹp là loài cây quý, tay có văn đẹp là tướng quý. Cho nên bàn tay cần phải có văn. Có

văn tương thì quý. Không văn là tầm thường. Văn sâu mà nhỏ thì tốt. Văn thô mà nông thì hèn. Bàn tay có ba văn. Văn trên ứng về trời, tượng trưng với vua, với cha để định sang hèn. Văn giữa ứng về người, tượng trưng kẻ hiền người ngu để phân giàu nghèo, Văn dưới ứng với đất, tượng trưng với bầy tôi, với mẹ để định sự thọ yếu. Ba văn đều quang nhuận không phá khuyết là tướng phúc hậu. Có nhiều vạch dọc thì linh loạn mà vất vả. Có vạch ngang tăn mác ra mãi gần kẽ ngón tay thì trăm việc đều thất bại. Văn nhỏ như tơ rối thì thông minh, nhiều lộc, văn thô như cát sỏi thì ngu độn. Văn như cảm rắc thì suốt đời sung sướng. Mười đầu ngón tay có văn như soáy tròn ốc thì vinh hoa. Có văn chữ thập thì nhiều lộc, chữ điền thì giàu, chữ khẩu thì sang v.v...

Chỗ cuối ngón tay thực chỉ, gần mu bàn tay có văn là hoặc có nốt ruồi là người tài nghệ cao quý.

Luận về chân

Chân để nâng đỡ cho thân thể, tượng trưng với đất, tuy ở dưới hết cả nhưng công dụng rất lớn, có thể phân biệt tốt xấu, sang hèn vậy.

Chân cần phải vuông và rộng, ngay và dài, mập và mềm, đó là tướng phú quý. Chân không nên hẹp và mỏng, ngang phè mà ngắn, thô

mà cứng đó là tướng bần tiện Dưới bàn chân không có vân thì hèn hạ. Dưới bàn chân có nốt ruồi thì nhiều lộc. Nếu to mà mỏng thì hèn hạ, dày mà ngang phè thì nghèo khổ. Bàn chân có vân xoáy thì tiếng tăm lừng lẫy. Bàn chân có ban điểm thì bần tiện. Ngón chân nhọn mà dài là người trung lương. Ngón chân ngay ngắn đều đặn là anh tài. Chân dày mà vuông thì đại phú. Chân có ba nốt ruồi ngang nhau thì quan to chức kiêm ba tỉnh.

Đại khái chân người sang thì nhỏ mà dày. Chân người hèn thì to mà mỏng.

Nên đọc sách

ĐOÁN ĐIỂM GIẢI MỘNG THEO KHOA - HỌC

Một công-trình tham khảo công-phu các sách

Đông và Tây. Xưa và Nay
của **Phương-Thanh**

để tự giải đáp những giấc mơ báo điềm trong đời bạn

Cách in rất công phu theo Tự điển

Á - CHÂU XUẤT - BẢN

PHẦN THỨ TƯ

I — Nốt ruồi

Nốt ruồi là gì ?

Người ta có nốt ruồi cũng ví như núi có cây, đất có gò đống. Núi có chất tốt thì sinh ra cây đẹp, rõ cái tú mị của giang sơn. Đất mà kém cỏi thì sinh ra cỏ xấu để tỏ cho người ta biết là vẩn đục. Cho nên người có mỹ chất thì sanh ra nốt ruồi kỳ lạ để tỏ cái đẹp. Người có chất xấu thì sinh ra nốt ruồi ô trọc để tỏ cái hèn.

Nốt ruồi sinh ở chỗ rõ ràng phần nhiều không hay mà sinh ở chỗ kín đáo thì tốt. Sinh ở mặt phần nhiều không lợi.

Nốt ruồi quý nhất là đỏ, vô luận sinh ở chỗ nào cũng hay cả.

Nốt ruồi duy ở trên mi là đều tốt, chủ về phú quý, điền trạch, ở tai thì hoặc thông minh, hoặc hiếu thọ.

Nốt ruồi ở tai

Trên thiên luân (phía trên tai) có nốt ruồi thì tốt, chủ thọ. Thùy châu, bên tả, có nốt ruồi thì thông minh, bên hữu thì hiếu.

Nốt ruồi trên trán

Ở Thiên chung có nốt ruồi thì khắc phụ mẫu, Biên địa, dịch mã có nốt ruồi đi xa bất lợi. Chỗ quan môn (ngoài biên địa) có nốt ruồi thì nguy hiểm về việc binh đao. Chỗ xích dương cao quảng có nốt ruồi thì đại phú.

Nốt ruồi trên mắt

Trên bao mắt có nốt ruồi, ở dưới mí, trên khoé mắt, bên tả, thì phú quý, còn từ đây trở ra đến cuối mày thì đều không hay. Bên hữu, ở giữa con người lên, có nốt ruồi thì đại phú. Còn ở dưới chỗ ngoạ tâm, thẳng hai con người xuống thì sát vợ sát chồng.

Nốt ruồi ở đầu con mắt bên tả thì hại con cái, ở bên hữu thì hại bố. Ở đuôi con mắt bên tả thì tốt.

Nốt ruồi ở mũi

Ở sơn căn, niên thọ có nốt ruồi thì khắc vợ. Ở thọ thượng có nốt ruồi thì hay có quan tòng, Ở chuẩn đầu có nốt ruồi thì phòng nạn gươm đao.

Nốt ruồi ở nhân trung

Ở phía trên có nốt ruồi thì nhiều con trai, ở phía dưới thì nhiều con gái, ở giữa thì dễ lấy vợ nhưng khó nuôi con. Có hai nốt ruồi có lần sinh đôi.

Nốt ruồi ở má

Đàn bà có nốt ruồi ở má, ngang thùy châu, bên tả, thì sát con; ngang thùy châu, bên hữu, thì ghen tuông.

Nốt ruồi ở cằm

Cằm có nốt ruồi thì không lợi chồng.

Nốt ruồi ở trong người

Nốt ruồi ở vú, ở ngực, ở bụng đều tốt cả.

Nốt ruồi ở bụng dưới là thông minh. Nốt ruồi ở trong rốn là người có phúc. Hai bên bẹn, giáp ngọc hành, có nốt ruồi là tướng phú quý. Đẳng sau gáy, thẳng gáy lên, có nốt ruồi, thì khôn ngoan. Hai bên vai có nốt ruồi, là người có chức phận. Lưng có nốt ruồi thì giàu. Chính giữa lưng có nốt ruồi là người có phúc tướng. Cuối xương sống có nốt ruồi thì thọ.

Xương hậu môn có nốt ruồi là người có kỳ thuật (thầy phù thủy thường có).

Con trai, con gái có nốt ruồi ở cổ tay thì hay.

Nốt ruồi trong mắt

Trong mắt có nốt ruồi đen gọi là nhật chí (nốt ruồi chảy nước mắt) thì có những sự buồn thảm liên miên, có khi là dâm dăng.

Nốt ruồi ở gò má

Đàn ông có nốt ruồi ở gò má thì bất lợi về chức vị, có khi phải mất chức, khi hạn đến.

Nốt ruồi ở miệng

Nốt ruồi ở trên môi thì hay tửu thực. Ở chính giữa môi thì do nhời nói mà nên tai họa. Ở hai bên miệng thì tán tài nhưng có lợi về tửu thực. Ở góc miệng, hay gặp điều tiếng.

Nốt ruồi ở lưỡi

Trên lưỡi có nốt ruồi là người khoác lác.

Nốt ruồi ở nách

Nếu hai bên nách đều có nốt ruồi thì giàu lớn.

Nốt ruồi ở gan bàn chân

Gan bàn chân, cả hai bên, có nốt ruồi, làm đến hầu bá.

Nốt ruồi ở ngón chân

Ngón chân có nốt ruồi, có nhiều đay tớ.

Nốt ruồi ở vú

Trên hai vú có nốt ruồi thì nhiều con gái, dưới hai vú có nốt ruồi thì nhiều bạc tiền. Giữa hai vú có nốt ruồi thì phúc thọ, an lạc.

Nốt ruồi ở tâm oa (chỗ lõm dưới ngực)

Tâm oa có nốt ruồi là linh huyết thì có chí tuệ lớn và có binh quyền trong tay.

Nốt ruồi ở yết hầu (cổ)

Cao lên trên có nốt ruồi thì được người đề bạt, cất nhắc; thấp xuống dưới thì không hay.

2 — Luận về văn chí ở mặt

Thứ văn này đến trung niên mới bắt đầu hiện.

Mặt có văn cũng như cái ngà, cái sừng, viên ngọc, hòn đá có mạch lạc. Nếu văn đẹp thì hay, văn loạn thì xấu.

Trán vuông, rộng, cao mà có văn đẹp thì địa vị phải cao sang. Nếu trán hẹp khuyết hãm lại thêm văn xấu nữa thì bản tiện không còn phải nghi ngờ.

Trán có ba cái văn dài, hai đầu lại có ý vênh lên thì làm đến khanh tướng.

Văn chữ vương thì phong hầu.

Hai cái văn ở chỗ thiên trung chạy thẳng xuống ấn-dương gọi là thiên trụ văn thì có chức vị to.

Ở chỗ thiên trung mà có ba cái văn trúc đầu xuống thì bổ chết sớm.

Một cái văn ngòong ngoèo chạy ngang qua trán thế nào cũng chết đường.

Ở trên trán có hoành văn, không đứt, gọi là hoa cái văn, nếu sâu mà rõ thì cò (không con); dù không sâu cũng không lợi.

Trên trán có văn chữ Tĩnh thì quý, (Tĩnh tự văn) chữ Xuyên (Xuyên tự văn) thì thọ nhưng đàn ông thì góa vợ, đàn bà thì góa chồng. Trên trán có văn chữ Thập (Thập tự văn) thì giàu. Điền tự văn thì giàu. Sơn tự văn thì quý. Nữ tự văn thì quý.

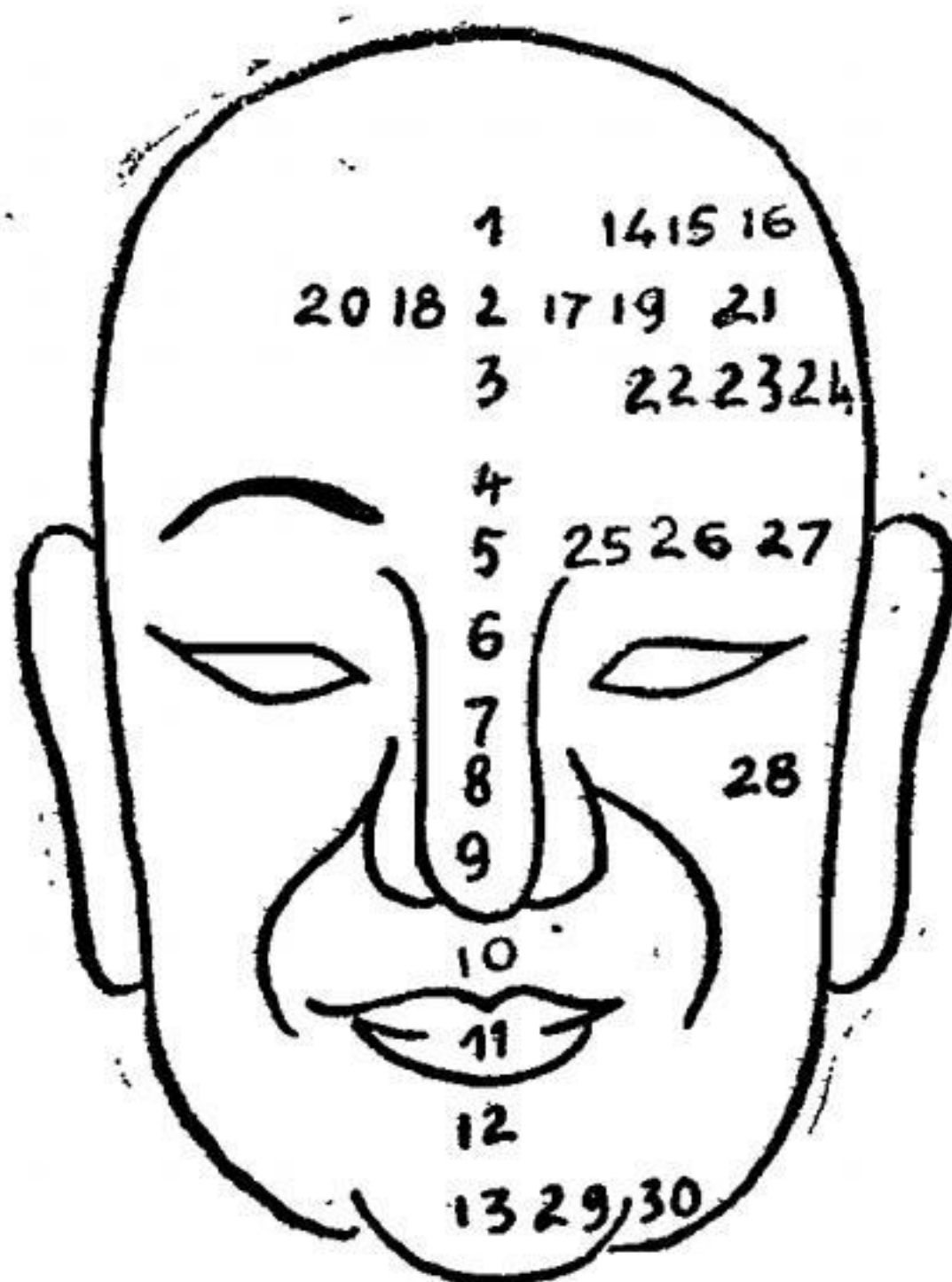
井 川 十 田 山 女

Trên trán mà có văn loạn, lệch lạc thì bản khổ mà nhiều tai ách.

XEM TƯỚNG LẤY

Đàn bà, trên trán có ba cái văn gọi là lục hại thì góa chồng, chết con. Có một cái văn gọi là huyền châm thì hình khắc, tâm khổ.

Ấn đường có hai cái văn, nếu tú nhuận thì quý, nghiêng ngả thì hung. Ba cái văn là Xuyên tự văn — cao, dài, phân minh — làm đến tể tướng. Không phân minh thì yếu.



1 Thiên trung	11 Thủy tinh	21 Dịch mã
2 Thiên đình	12 Thừa tướng	22 Hoa cái
3 Tư không	13 Địa các	23 Phúc đường
4 Trung chính	14 Cao quảng	24 Giao ngoại
5 Ấn đường	15 Vũ khố	25 Thái dương
6 Sơn căn	16 Biên địa	26 Thiếu dương
7 Niên thượng	17 Nhật giác	27 Gian môn
8 Thọ thượng	18 Nguyệt giác	28 Mệnh môn
9 Truân đầu	19 Long giác	29 Nô bộc
10 Nhân trung	20 Hổ giác	30 Địa khố

PHẦN THỨ NĂM

Phép xem khí sắc

Phạm xem bộ diện, trước xét tam đình. Cốt cách chủ về hay dở một đời khí sắc chủ tốt xấu một năm. Cốt cách cũng có khi nở thêm hình dung, cũng có khi biến đổi.

Thượng đình là giới, chủ về quý, từ thiên trung đến ấn đường. Trung đình là người, chủ về thọ, từ sơn căn đến trun đầu.

Hạ đình là đất, chủ về lộc, từ nhân trung đến địa các.

Thượng đình, Thiên trung, Thiên đình, Tư không, Trung chính, Ấn đường gồm 5 bộ liên, hai bên trên dưới mắt và hai bên mi chủ về quý, chủ về cha mẹ, quân vương và chủ về tiền vận. Trung đình từ sơn căn. niên thượng, thọ thượng, trun đầu, 4 bộ, liên hai bên dưới mắt, quyền tai, chủ về thọ, chủ về của, chủ về vợ con, anh em và chủ về trung vận. Hạ đình từ Nhân trung. Thủy tinh, Thừa tướng, Địa các gồm 4 bộ, liên với hai bên trên dưới miệng và hai bên má chủ về điền Trạch, về nô bộc, về mục súc và về hậu vận.

Tuổi già sắc không nên non, tuổi trẻ sắc không nên khô. Sắc xanh chủ về bệnh trệ; sắc trắng chủ về ưu tư, hiếu sự, tang thương; sắc đỏ chủ khẩu thiệt; sắc đen chủ bị bãi, bị cách hoặc chết.

Bộ vị có sắc vàng mà ăn đường, truân đầu có ám khí tất có sự bất như ý. Đó là trong sắc tốt (sắc vàng) có ăn sự hung (sắc đen : truân đầu có ám khí).

Bộ vị có ám mà ăn, truân có hoàng khí sáng sửa quang nhuận lại thành có hỉ sự, đó là trong sắc xấu có sự tốt vậy.

Có một phân tinh thần phải có một phân phúc lộc. Khí sắc của một ngày, phải có sự tốt xấu của một ngày, phi người tinh thông thì khó lòng mà nhận xét được.

Luận về khí sắc Thượng đình

Thượng đình là trán, thuộc về nam phương li vị, tả là Tốn, hữu là Khôn, từ thiên trung đến ăn đường, hai bên liền với Nhật, Nguyệt giác, Long hồ giác, Thái dương, Vũ khố, Hoa cái, Phúc đường, trên hai mi là cung quan lộc chủ về quý.

Hai bên thái dương là bộ phận Biên địa, Dịch mã, Sơn lâm, tức là cung Thiên - di chủ về xuất ngoại.

Sắc vàng pha sắc tía lấm-tấm như hình cái hoa hoặc như hạt đậu tức là tướng vân hiện trên trán thì có điềm báai tướng, phong hầu. Sắc ấy đậm-dà rõ rệt thì ứng trong ba tuần, chậm thì sáu tuần, hoặc một năm. Nếu tử khí (sắc tía) hình như đồng tiền, như mặt trăng thì ứng ngay trong năm bấy ngày. Nếu không có tử khí chỉ có sắc đỏ, vàng thì chỉ là điềm thuyên chuyển mà thôi. Bởi vì sắc tía là sắc quý, chủ về khâm mạng, chiếu sắc. Nhưng từ tứ phẩm trở lên mới có, bậc dưới không có.

Bộ Thiên - trung chủ về vương hầu, cực phẩm. Bộ Thiên-dinh chủ về nhị phẩm. Bộ Tư-không chủ về tam phẩm. Bộ Chung-chính chủ về tứ phẩm. Bộ Ấn-đường chủ về ngũ phẩm.

Sắc tía có pha sắc vàng hiện ra ấn đường trên ứng với thiên bộ, dưới ứng với truan đầu chỉ trong 6 tuần tất có tin mừng thăng quan tiến chức và sắc mệnh, hoặc được tiến-cử, hoặc sinh con quí tử, hoặc tăng điền sản, phát tài to, hoặc kẻ có tội được tha. Nếu chỉ có sắc vàng quang nhuận thì chỉ thuyên chuyển, còn thường dân thì hoặc sinh con, thành hôn, hoặc phát tài mà thôi.

Thiên trung có hình tròn sáng-sủa hoặc có sắc vàng thì chỉ trong 7 tuần tất có tin mừng phong hầu bá tướng, nếu có sắc tía thì được dịp gần quân vương.

Sắc vàng tròn như đồng tiền, hoặc như mấy sợi tơ từ thiên đình xuống đến ấn đường hoặc trên mi liền với hai bên thái dương xuống đến truan đầu, làm quan thì thuyên chuyển, học trò thì thi đỗ, thường dân thì phát tài, tăng điền sản. Sắc ấy đậm-dà thì ứng ngay trong một tháng, sắc hơi nhạt thì ứng sau sáu tuần. Nếu hình như hoa quế, như vẩy cá mà trong lại có sắc tía đỏ, tựa như sợi tơ, như hạt đậu gọi là sắc tường vân hiện cả ở ấn đường nữa, người làm quan thì được thăng chức rất cao, học trò thì đỗ cao, thường dân được quan chức hoặc đại phát tài, sắc đậm-dà thì ứng sau một tháng, sắc nhạt thì ứng sau ba tháng.

Trên trán có sắc vàng, đỏ hình như mấy sợi tơ thì chỉ trong một tháng là thăng quan, còn thường dân thì mọi việc đều tốt. Còn như hiện ở các bộ thì phát tài lớn.

Hai đầu mi gọi là Tẩu thư, có sắc vàng sáng-sủa cũng ứng với truân đầu thì mọi việc đều tốt cả. Nếu sắc đỏ thì không tốt.

Trên hai mi là La hầu, Kế đô, có sắc vàng quang nhuận hiện ở bên tả thì thêm đình, tiền của, hiện ở bên hữu thì lấy vợ, tăng điền sản mà ứng về sau một tháng. Nếu có sắc đỏ thẫm thì bị kiện tụng, sắc trắng thì khắc phụ mẫu, sắc xanh thì lo sợ, tật bệnh, sắc đen thì tù ngục, chết chóc hoặc hình khắc anh em.

Cửu châu có sắc vàng thì có hỉ sự tự nhiên. Dương châu là trán, Kinh châu là cằm, Dục châu là mũi, Kinh châu là tả thái dương, Tư châu là hữu Thái âm, Thanh châu là quyền bên tả, Lương châu là quyền bên hữu, Duyên châu là miệng bên tả, Ung châu là miệng bên hữu. Đây mặt đều có sắc vàng quang nhuận là điềm thăng quan, thi đỗ, phát tài lớn. Nếu sắc vàng có từng quan điểm như hình hoa quế, hoặc hạt thóc, hạt đậu thì thăng chức rất cao.

Người thường thì được của báu, phát tài lớn, đó là tướng phi thường vậy.

Sắc vàng hiện ở Tam thai thì có hỉ sự. Tam thai tức là tam đình, người sĩ tử đi thi, thượng đình ứng về kỳ đệ nhất, trung đình ứng về kỳ đệ nhị, hạ đình ứng về kỳ đệ tam. Tam đình đều có sắc vàng sáng sủa thì đỗ. Nếu thấy sắc trắng bóng như mỡ bôi thì trượt.

Sĩ tử đi thi mà tam thai có sắc vàng ánh, lại hơi có sợi tơ đỏ hoặc chấm đỏ tròn tròn thì đỗ đầu; dưới mi có sắc vàng hình như cái nắm, truân đầu vàng ánh, ấn đường có tơ đỏ thì đỗ trung hạng. Trên mi có sắc vàng, ấn đường có tơ hồng sắc, dưới mắt và đầu mũi có hỏa khí cũng đỗ thứ hạng. Mặt không có sắc vàng mà đầu mi trên trán có hồng điểm. đầu mũi lại có âm khí thì thi trượt. Làm quan thì bị bãi cách, người thường thì bị quan tụng, tán tãi.

Trên mi gọi là khoa giáp, dưới mi gọi là khoa danh, ứng tuyến hai nơi ấy có sắc vàng, tia liên nơi ấn đường thì hoạnh phát đại lợi.

Trên mặt tuy có sắc vàng nhưng ấn đường, truân đầu, biên địa, định mã có âm khí tức là mệnh trung hữu trệ thì mọi sự thoái bộ, nghèo khổ, thế là hình trệ. Sắc mặt tựa say, tựa buồn ngủ, tựa muốn khóc, tựa đau buồn là thần trệ. Nói năng uể oải, cử chỉ tựa người ốm thế là khí trệ. Sắc sáng không ra sáng, tối không ra tối, thế là sắc trệ.

Hình trệ thì ứng trong 10 năm; thần trệ thì ứng trong 8 năm. Khí trệ thì ứng trong 5 năm. Sắc trệ thì ứng trong ba năm.

Hễ trệ khí biến hết thì vận khí mới thông. Nếu trệ khí không biến thì xuất đời vất vả, cơ khổ.

Luận về khí sắc Trung đình

Trung đình là mũi, ấn đường có sắc vàng tròn tròn hoặc pha sắc tia thì có nhiều điều tốt. Sắc tia hiện ở ấn đường, bốn mùa đều sáng sủa thì phát tài

xứng ý, người ốm khỏi bệnh, tù tội được tha, kiện được thắng, mọi việc đều lợi. Nếu sắc vàng tròn như đồng tiền, làm quan thì thăng chức, sĩ tử thì thi đỗ, người thương thì phát tài lớn ứng trong 70 ngày. Nếu trong sắc vàng có điểm thêm sắc tía, thì sự hay lại hơn nhiều.

Sắc vàng hiện từ sơn căn, niên thọ, ngang qua trên dưới hai mắt đến chân tóc, hoặc từ đầu mũi qua lưỡng quyền đến mệnh môn có hình như lá liễu nằm ngang thì đại phát tài.

Dưới mi là thái dương, trung dương thiếu dương, và giao ngoại cốt phải sáng sủa, nếu có sắc vàng thì có hỉ, phát tài, hôn nhân. Đột nhiên vàng đậm, có pha sắc tía thì phải thêm con, cháu, tiến chức. Nếu đầu mũi và lưỡng quyền có ám khí tất phải mất chức, tán tài, gia đình không yên.

Sơn căn, niên thọ, quang nhuận thông thì có tai ương. Sắc vàng thì yên vui, bệnh khỏi. Nếu có ám khí thì mọi sự bất toại. Sắc trắng thì có tang phục, sắc xanh thì lo âu, sắc đen thì tai ách, sắc vàng hiện trên dưới mi thì phát tài, có hỉ, ứng trong 100 ngày.

Đàn bà mà Thiên trung có sắc tía hình như hoa thì được tặng phong. Nếu sắc ấy thường có luôn thì thọ.

Mắt tả gọi là Loug huyết. Mắt hữu gọi là Phượng tri có sắc vàng, đỏ và sắc tía hình tròn vòng quanh trên dưới mi mắt và ấn đường trun đầu đều có sắc vàng, đỏ thì sinh quý tử. Dưới mắt sắc xanh vàng thì sinh con gái. Nếu ấn đường không có sắc thì sinh con khó nuôi, sắc đen thì khắc con cái. Lại có câu : dưới mắt có sắc tía, sinh con quý tử.

Luận về khí sắc của Hạ đình

Hạ đình chủ về hậu vận. Địa-các chủ về điền trạch phải triều với đầu mũi mới tốt. Miệng như góc cung, râu như ngọn giáo thì cực phong lưu. Nhân trung như ống tre bồ đôi, môi đỏ như son, phúc thọ vô cùng. Thực sương ở trong Pháp lệnh và ngoài Lan-đài bỗng có sắc tia hiện ra như hình râu bò, trong một tháng tất có sắc mệnh.

Hai mép có sắc vàng hiện ra sáng sủa, trong trăm ngày tất được thăng quan, sĩ tử đi thi thì đỗ. Sắc tia hiện ở dưới Lan đài và bên Nhân trung hình như đồng tiền, trong 20 ngày thành công danh. Nội trù có sắc vàng hình bán nguyệt tất có người cho món ăn mỹ vị, hoặc mời dự đại tiệc.

Nơi Pháp lệnh có sắc tia như hình đồng tiền nhỏ, trong 3 tháng tất có tỳ thiếp, nếu có sắc vàng, chủ về thêm người, ở bên tả thì thêm nam, bên hữu thì thêm nữ. Địa các có sắc đỏ, vàng chủ vô sự, tặng điền sản và tặng trâu ngựa. Địa các có hồng sắc có thì hậu vận phong lưu nhàn hạ.

Luận về khí sắc xấu của Thượng đình

Tựa say mà không ra say, tựa ngủ mà không ra ngủ, không phải là triệu chứng phát đạt. Tựa ám mà không phải ám, tựa sáng mà không phải sáng, không phải là sắc bay nhầy. Mắt hay trông lên là người ngạo; hay trông xuống là người ngu, hay trông ngang là người gian, hay trừng mắt là kẻ ác.

Mắt lóng lánh như có nước, trai gái đa tình. Mắt đỏ như lửa là kẻ gian hùng, đa sát. Đuôi mắt quắp xuống, vợ chồng ly biệt có ngày. Mắt có ba góc, anh em hại nhau là tâm địa độc ác. Tóc tốt là người tráng kiện, đầu nhỏ là kẻ phàm phu. Đi thì lắc đầu, ngồi thì cúi mặt là kẻ bần cùng. Ngủ mở mắt, ăn nhe răng là kẻ hèn hạ, yếu tử.

Mặt trắng bệch như xương khô hoặc đen như tro ướt thì yếu. Mặt xanh chủ ưu kinh, tật ách. Trán có sắc xanh trong 60 ngày có sự sợ hãi. Dưới mi có sắc xanh trong một tuần bị sợ hãi. Ấn đường có điểm xanh thì tai ách, tán tài. Sơn căn, niên thọ xanh thì tật bệnh. Đầu mũi xanh là Mộc khắc Thổ mọi việc đều hỏng. Nhân trung xanh phát tài. Địa các xanh chết đuối. Trán có hắc ám, trong 100 ngày bị đau ốm, chết hoặc bị bãi chức.

Lưỡng quyền đen 7 ngày chết. Ấn đường đen và trước tai có sắc đen kéo vào miệng thì chết. Sơn căn, niên thọ đen thì ốm nặng. Đầu mũi có sắc đen thì phải huyền chức, ốm đau, tù tội. Nhân trung có sắc đen thì bệnh nguy. Nhân trung và mép có sắc đen bao quanh 7 ngày chết. Thừa tướng sắc đen thì chết đuối. Mặt trắng như đánh phấn, không quang nhuận, trắng bệch bệnh bệch, thì có tang phục. Sắc trắng ở ấn đường như sợi tơ chủ về phụ mẫu, liền xuống mũi, miệng và tai, ứng trong 70 ngày, không phụ mẫu thì anh em. Sắc trắng ở sơn căn thì tang nhẹ, ứng trong 120 ngày. Dưới mắt chủ về con cái,

đuôi mắt chủ về thê thiếp, lưỡng quyền chủ về anh em, chú bác. Trước tai, biên địa chủ cô dì. Niền thượng ứng vào tang ông bà. Đầu mũi ứng về phụ mẫu hoặc ngay thân mình.

Mặt đỏ bừng như ngời gần lửa hoặc có chấm đỏ như hình sợi tơ thì chủ về quan tòng, phải bông, chết tai nạn. Thiên đình có sắc xanh nổi lên, trong 90 ngày tất có tai nạn bất trắc. Sắc xanh từ chân tóc xuống ấn đường, bất luận ốm nhẹ hay nặng trong 60 ngày thì chết; đến sống mũi, thì một tháng chết; đến nhân trung thì 17 ngày chết, khắp mặt thì chết ngay.

Trán nổi chấm đen bệnh nguy không khỏi.

Luận về khí sắc xấu của Trung, Hạ đình

Lông mi mọc ngược, anh em bất hòa. Xương mi nổi cao, tính tình cương trực. Sống mũi dúi quăng hoặc lệch thì cô đơn, nghèo nàn, tật bệnh. Sống mũi lệch hoặc vẹo thì gian xảo, tham lam. Lộ hầu, vầu răng thì yếu và chết đường. Thề lưỡi liếm môi là người dâm dăng, độc ác.

Tóc rậm mà cứng như cỏ thì ngu. Tiếng như lệnh võ thì tính hung ác, thích giết người. Ấn đường có sắc đỏ hiện như đồng tiền gọi là xích phù, chu tước, trong 100 ngày tất có quan tòng, giáng chức. Mệnh môn có sắc đỏ suốt đến sơn căn tất bị lao tù. Truân đầu có sắc đỏ chủ về bệnh phổi hoặc bị đòn ba, Mũi cong vênh lên là tướng rượu chè và hay có việc kiện cáo. Lan đài có sắc đỏ như sợi tơ có bệnh di tinh, bạch trọc. Đàn bà mặt đỏ như hoa đào mà trên mắt và dưới mắt có vành thâm sì thì dâm dục và hay

ghen tuông. Đàn bà mà sống mũi có gân xanh chạy thẳng lên trán thì có lúc giết chồng.

Gian môn có sắc đỏ vì mỹ sắc mà mắc nạn.

Gian môn có sắc đen thì vợ ốm nặng hoặc chết, ứng trong 60 ngày. Thái dương có sắc xanh, đen : vợ chồng hay cãi lộn nhau. Gian môn sắc xanh hoặc trắng suốt đến đuôi mắt thì thê thiếp bỏ đi. Đầu mũi có sắc xanh tức là Mộc khắc Thổ, chủ mọi sự bất thành, chóng nhạt thì chóng hết xấu, lâu nhạt thì 10 năm lật đật.

Niên thọ có sắc đen to bằng ngón tay là điềm chết. Niên thượng có sắc đen bóng như mỡ bôi, quá nửa năm không tan thì chết.

Người ốm lâu mà môi đỏ thì chết.

Trẻ con sắc mặt khi đỏ, khi xanh, lúc đen lúc trắng tất sẽ có bệnh nặng.

Nhắc lại khí sắc

Thiên đạo trong một năm có 24 tiết khí, mặt người ta một năm cũng có 24 lần thay đổi, phải lấy ngũ hành mà xét nghiệm mới đúng. Nếu khí sắc tươi đẹp như đám trường vân che mặt trời mới là quý. Nếu khô khan, ám tối chẳng những không phát đạt mà còn có chứng bệnh tý, vị, hoặc tai ách quan tọng. Khí sắc rất khó nhận xét. Phải vào những lúc sớm mai tinh khí chưa loạn mà xem thì mới dễ nhận. Nếu giữa ngày hoặc buổi chiều ăn uống no say, hoặc sắc dục thì nhận định không rõ nữa.

Khí sắc nửa tháng một lần biến đổi, mỗi khi giao tiết lại một lần biến đổi. Muốn biết khí sắc bốn mùa phải theo ngũ hành : mùa xuân sắc xanh, mùa hạ sắc đỏ, mùa thu sắc trắng, mùa đông

XEM TƯỚNG LẤY

sắc đen, tứ quý sắc vàng, đó là chính khí của 4 mùa.

Hiện trên mặt da là sắc, ẩn dưới lớp da là khí. Khí tựa như hạt thóc, hạt đậu, sợi tơ, sợi tóc ẩn dưới lớp da.

Người hình Mộc sắc phải xanh, người hình Hỏa sắc phải đỏ, người hình Kim sắc phải trắng, người hình Thủy sắc phải đen, người hình Thổ sắc phải vàng. Đó là chính khí của con người.

Người hình Mộc sắc cần phải pha đen, kỵ trắng.

Người hình Hỏa sắc đỏ cần phải pha xanh, kỵ đen.

Người hình Kim sắc trắng cần phải pha vàng, kỵ đỏ.

Người hình Thủy sắc đen cần phải pha trắng, kỵ vàng.

Người hình Thổ sắc vàng cần phải đỏ, kỵ xanh. Đó là ngũ hành sinh khắc.

Kim sinh Thủy

Thủy — Mộc

Mộc — Hỏa

Hỏa — Thổ

Thổ — Kim

Kim khắc Mộc

Mộc — Thổ

Thổ — Thủy

Thủy — Hỏa

Hỏa — Kim

Khí vốn có một, nhưng phân biệt ra lại có ba thứ :

1.— Khí tự nhiên, tức là khí tốt của ngũ hành,

2.— Khí sở dưỡng, tức là khí của mình tài bồi,

3.— Khí sở tập, tức là tà khí, vì bản chất kém, tài bồi lại kém nên tà khí phạm vào.

Cho nên người ta khi mừng, khi giận, sợ hãi đều chủ vào tâm, tâm là thần, nên thần sắc biến đổi.

PHẦN THỨ SÁU

Phép xem tướng

Mục Thần tướng nói rằng : tai, mắt, miệng, mũi đều tốt, nhưng không bằng tâm tốt. Nếu tâm không tốt tức là có tướng mà không có tâm thì tướng cũng theo tâm mà biến. Bởi vậy phép tướng có văn âm chất ở chỗ Thiên sương.

Mục Thần động nói về ngũ hành : động Thần thuộc Thủy, được hành Thủy thì động thuộc sắc đen. Tĩnh thần thuộc Thổ, được hành Thổ thì tĩnh thuộc sắc vàng. Xuất thần thuộc Mộc được hành Mộc thì sinh trưởng cứng cáp, thuộc sắc xanh. Nhập thần thuộc Kim được hành Kim thì cứng rắn bé nhỏ thuộc sắc trắng. Cùng thần thuộc Hỏa, được hành Hỏa thì nhỏ nhắn thuộc sắc đỏ.

Tương sinh thì lợi, Tương khắc thuộc hại.

Trước định hình sau theo sắc biến đổi mà đoán thuận nghịch thì mới đúng.

Mục nhục nhãn chuyên nói về mắt : phép xem tướng phải chú trọng nhất về mắt : Dưới mắt là cung Tử tức, đầy đặn thì thanh nhân, không hay đổ kị, có qui tử và được tặng phong. Giời sắc xanh cho nên mắt xanh biếc gọi là thiên nhân (mắt giời) thì thông minh mà đa thọ. Mắt đẹp, chính đỉnh, không trông nghiêng ngả, không trông trộm thì tâm cũng ngay thẳng có thể kỳ thê thác tử.

Mắt thông minh sáng láng là tuệ nhãn tức là mắt phật, là người từ-bi bác-ái, con cháu hưởng phúc.

Thiên đình cao, Ấn đường sáng thì phát đạt sớm. Biên địa, Dịch mã nở thì văn chương hiển dương phụ mẫu. Puôi mi có hai sợi văn chạy vào Gian môn thì thê thiếp tranh đấu lục đục. Ấn đường nở nang, sáng sủa, mi không giao thì 30 tuổi đã lập công danh. Tử cung đa răn reo có văn triền lên trên là người thi nghịch (giết chủ, giết người) Niên thọ, Truân đầu cần phải cao, nhưng cao quá thì hại con cái. Lưỡng quyền cao nhưng không lộ xương, phát đạt vào khoảng 46 tuổi. Râu thanh, thưa mà cứng, 50 tuổi mới vượng. Xương thô, thịt nhiều, chân đi nghiêng ngả, tuổi già thì vất vả. Khí mạnh, đi đứng đường hoàng, lông mi chữ nhất là văn nhân kiêm võ sĩ. Giáng người mạnh giẻ thì yếu, mảnh giẻ mà có thần thì sang, nhưng cô độc. Giáng người thô tục thì ngu, nhưng thô tục mà trọng hậu thì giàu.



Hai mắt sếch về sơn căn thì tâm địa hiểm ác mà tính nóng vô lễ, nhân giàu có mà bị tai họa. Hai bên dịch mã có sắc đỏ, vàng lấm tấm thì lao lực vất vả. Đồng tử lộ hoặc vàng kè, đầu mũi cao, nếu là người thiện thì vì vợ con mà sinh kiện tụng. Ấn đường nổi sắc xanh hay sinh tai họa bất ngờ. Niên thọ nổi sắc vàng tự nhiên có quyền vị. Nốt ruồi ở cò vì nói mà mắc nạn. Nốt ruồi ở ngọc hành vì nghèo mà được của.

Mi mục quá thanh tú, tất có tục khí, thường hay bạc mệnh, xuất gia, vô tử. Vừa về đến nhà

đã hấp tấp cởi áo là tướng nghèo kiết. Vừa từ biệt nhau, đi mấy bước đã quay đầu lại là người nham hiểm, đa nghi. Gian môn trũng lại có sát văn, khắc hai ba đời vợ. Ngọa tâm dày mà sáng sửa đông con. Thấy người mà thần sắc biến đổi là người ít mưu trí và rât. Nghe hết câu nói mà vẫn chưa hiểu là kẻ có bệnh tim mà tâm tính bất thường. Truân đầu có chấm đỏ thẳng đến niên thọ tất có hỏa tai. Mũi có mấy tia xanh vào miệng tất sẽ chết đuối. Mắt như hoa đào thì yếu. Mắt như da quít chín, muộn con. Nói chuyện mà không nhìn người là kẻ đa nghi mà hiểm.

Cung thê thiếp có sắc vàng ản sắc đen, vì vợ được của nhưng sẽ chết ; có sắc trắng ản sắc hồng thì tỷ thiếp chết bị mà và kiện. Trẻ con dễ nuôi, mắt dày, xương cứng, dái đen. Mắt tròn xoe, quyền cao, bức Thiên đình là tướng Thương-ưởng bị họa hình lục. Mũi quắp, râu mềm, tham mà rât là tướng Đặng-thông bị chết đói ngoài đường. Mi dài che mắt, vợ cướp quyền chồng. Tả gián đen hữu mi cao, vợ lẽ cướp quyền vợ cả. Đi thì cúi đầu, ngồi thì rung đùi, cười thì tựa khóc, ngủ mở mắt, phi gian tặc cô. Mặt vàng nhạt, mi cao, miệng há to mà tiếng nói li nhí phi bần tặc yếu.

Mắt thoát thần

Mắt thoát thần có ba cách :

- 1.— Mắt thoát thần tất phát bệnh. Xét sự thoát thần nhiều ít mà phân bệnh nặng nhẹ.
- 2.— Có bệnh mà mắt thoát thần, xem đồng tử mà định nguy hiểm.

3.— Gặp biến động mà mắt thoát thần, phân tả hữu mà định lạnh dữ : tả dữ, hữu lạnh.

Chân tóc cao, ít tuổi đã góa chồng. Nhân trung đầy mà bằng phẳng thì không con. Đàn bà nhật, nguyệt giác cao thì khắc chồng, ứng vào khoảng 36, 38 tuổi. Sơn lâm nổi cao, đàn bà có chồng sáng trọng. Đàn bà hay hồ thẹn, ít nói, da thơm, tóc bóng là người có đức. Quai hàm to mà mạnh, bụng to mà cao, hay ghen, khắc con cái, nghèo, cô độc mà yếu. Đàn bà không có âm-mao thì hèn hạ, không con, chỉ làm kỹ nữ.

* * *

Khi giận lại cười là người khắc bạc, nham hiểm. Không người mà nói một mình là người vất vả. Ăn uống hay vung vãi thì vất vả. Vô sự mà cũng vội vàng hấp tấp là người li tở, khốn đốn. Mắt có tia đỏ bao bọc, sơn căn có gân nổi thì bị tù phạm.

Môi đỏ như son, mặt như hoa đào thì giang hồ.

Bí quyết về lục thần khí sắc

- 1.— Hai mắt đen trắng phân minh, thần quang có sức mạnh như bắn vào người ta, thể gọi là *sắc thanh long*, thể nào cũng có cơ thuyên chuyển quan chức, có việc tiến tài bạch, vui mừng ;
- 2.— Trên mặt đỏ gắt như bôi son khi bừng như lửa bốc, tối như có thâm bệnh gì là *xích sắc* (*sắc chu tước*) thể nào cũng có việc quan tọng, khẩu thiệt, lo sợ lời thối ;

- 3.— Sắc trên mặt như sắc gio đất, sần sần, tinh thần tối tăm gọi là *sắc đằng xà*, thế nào cũng xảy ra việc bất tường, cửa nhà không yên ;
- 4.— Sắc vân đục, đen trắng không đều, thần quang tối tăm gọi là *sắc câu trăn*, dưới mắt lại có sắc xanh như chì t.ế nào cũng xảy ra việc rắc rối lời thối ;
- 5.— Dưới hai mắt có khí trắng, là *sắc bạch hổ* thế nào cũng xảy ra việc tang vong, hiếu phục về bên ngoại ;
- 6.— Ở dưới môi, cằm, hai bên quanh miệng, có sắc đen như khói ám gọi là *sắc huyền vũ* nên coi chừng *tiểu nhân* ám hại, ốm nặng, mất của,

PHẦN THỨ BẢY

Tướng đàn bà

Người đàn bà quý nhất ôn hòa, đoan chính.
Ky táo cấp, hùng cường.

Cho nên đàn bà, phàm người nào cốt cách nổi lên rõ ràng, thần sắc uy nghiêm, trì trọng, ít vẻ kiêu mi, ngũ nhạc đều đặn, cân đối, đi đứng vững vàng, tiếng có dư âm là tướng cực quý. Người nào ngũ nhạc ngay ngắn, đầy đặn, khi cốt lõi lạc, thần sắc ôn nhuận, trông nhìn đứng đắn cũng là tướng cực quý. Người nào có uy nghi, trọng hậu, tiếng nói như chim yến, nhỏ mà trong, tai đầy, trán tròn, tóc mượt, mày thanh, cổ dài, thần mắt trong veo, nhìn trông ngay ngắn, cười nói uy nghi, nhân trung rõ ràng, răng trắng đẹp như ngọc, môi đỏ tươi như son, tay chân mịn màng cũng là tướng cực quý.

Người nào tai đậm, môi đầy, bàn tay tươi đỏ, mắt đẹp, tính khoan hòa, mang tai đầy, cằm nở, nhân trung dài, ngọà tâm nổi, lục phủ đầy đặn, mũi đầy nở, lưng tròn, bối hậu cũng là tướng quý.

Những tướng như thế đều là tướng quý, tướng thọ cả.

Trái lại, người nào đầu nhọn, đi hay ngoảnh lại, đi vắn vẹo mình rần, lầy bầy như chim nhầy, tai phẩn, thần lộ, hoặc đẹp mà không có vẻ, ngũ quan lệch lẹo, ngồi đứng ngả nghiêng, nói cười lơ lả, rúm miệng, cong môi v.v... là tướng khinh phù, dâm tiện.

Người nào miệng cong, răng lộ, tóc quăn, tóc vàng hoe, mũi huếch, mặt gầy, trán cao, rộng, cổ rút, tiếng oang oang như lệnh võ, tiếng the the như sé vải v. v... đều là tướng dở cả. Không hại chồng cũng hại con.

Người nào mày đậm, xương thô, mặt ngựa, gò má cao, đầu to tầy ôm hay mặt như con ruồi. (bé choắt chèo), mắt lộ ba góc, mũi khoằm khoằm, sơn căn triết đoạn, lệ đường khô héo là tướng cô quả cô độc.

Người nào thân mềm, da thịt nát nhũn, tiếng yếu đuối, lông mày chớm mắt, nhân trung ngắn hay phẳng lì, tinh thần hoảng hốt, đi lệch vai, đứng dựa dẫm, môi hở, răng lộ là tướng bần, yếu.

Đàn bà có tướng cứu mỹ và cứu ác.

Cứu mỹ

Cứu mỹ là :

- 1.— Đầu tròn, trán phẳng ;
- 2.— Xương nhỏ, da mềm ;
- 3.— Môi hồng, răng trắng ;
- 4.— Mắt đẹp, mày dài ;
- 5.— Bàn tay dày, ngón tay nhỏ, văn tay lút mứt như tơ ;
- 6.— Tiếng nhỏ mà trong veo như tiếng suối reo ;
- 7.— Cười không hở răng, không loi lả ;
- 8.— Đi đứng thong thả, uy nghiêm, nằm ngồi đoan trang, nhàn nhã ;
- 9.— Khí thanh, thần hòa, da dẻ thơm sạch.

Cứu ác

Cứu ác là :

- 1.— Mặt xấu, quyền cao thế nào cũng sát chồng ;

XEM TƯỚNG LẤY

- 2.— Lộ hầu thể nào cũng gặp tai ương ;
- 3.— Bù đầu thì vất vả ;
- 4.— Đi như rắn bò, sẽ nhảy : tâm địa nham hiểm ;
- 5.— Lòng mảy liền nhau : không cùng khổn cũng chẳng lợi chồng con ;
- 6.— Mũi khoằm như lưỡi câu thể nào cũng sát chồng ;
- 7.— Mắt lộ trắng bốn bề (mắt trắng dã), tâm tình ác độc, hay hại người ;
- 8.— Tiếng hung hăng, dữ, tợn nhiều lần sát chồng ;
- 9.— Tóc bờ liếm sát con.

72 tướng tiện

Đàn bà có 72 tướng tiện :

- | | |
|----------------------------------|---|
| 1.— Hai mắt sáng loáng ; | 10.— Lắc đầu, vẹo cổ ; |
| 2.— Mắt hăn hắt đỏ như hoa đào ; | 11.— Thịt trên mặt nổi lên từng đống ; |
| 3.— Da trắng bệch ; | 12.— Mắt trắng dã ; |
| 4.— Da mặt xanh nhợt ; | 13.— Môi luôn luôn mấp máy ; |
| 5.— Thịt mềm nhũn ; | 14.— Đi lạch bạch như vịt ; |
| 6.— Da nhũn, mỡ như bôi dầu ; | 15.— Trông nghiêng, nhìn trộm ; |
| 7.— Mặt nhiều ban điểm ; | 16.— Ngồi một mình lẩm bầm lẩm bầm v.v. ; |
| 8.— Góc mắt rủ xuống ; | đều là tướng không hay cả. |
| 9.— Chưa nói đã cười ; | |

Tướng thọ

Ngũ nhạc cao nổi. Pháp lệnh phân minh, lông mày có lông dài, cổ tròn có nọng, trán có xương ngang, da mặt khoan dày, tiếng to vang, lưng đầy, đầu tròn như khánh úp, xương sau gáy sinh ngang (tức là có trâm) răng bằng, vững, kín, xương quỳ vượt mái tóc, đi đứng vững vàng, hai mắt có thần đều là tướng thọ cả.

Tai dày, răn, cao là thọ.

Trong tai có lông, thùy châu triều vào miệng là thọ.

Mũi cao, sống mũi vững vàng là thọ.

Đại tiện răn, tiểu tiện có độ là thọ.

Tình tình khoan hòa, bụng dạ từ bi là thọ.

Ngủ không lộ thần là thọ.

Lông mày có lông dài vượt ra ngoài là thọ.

Nhưng lông mày không bằng lông tai, lông tai không bằng cổ có nọng, cổ có nọng không bằng đêm ngủ nghe tiếng phào phào (ù tai), đêm ngủ nghe tiếng phào phào không bằng da đầu răn reo; da đầu răn reo không bằng đại tiện táo đều là những tướng thọ cả.

Tướng yếu

Người nào có câu gì muốn nói, trước khi nói sắc đã biến hay nói chưa hết câu mà khí đã hỗn hển, mặt như hoa đào, thần khí hôn muội, mặt thường tái xanh, thân thể quá mềm, người dài mà lưng nhỏ, người lớn mà đáy lưng mềm, dặng sau lưng sâu xuống như cái rãnh, người nhỏ mà chân to, cổ mềm, đầu lệch, đi bước nặng bước nhẹ, đi vắn vẹo như rêu, lấy bầy như chim

sẻ nhầy, ngủ mở mắt, miệng há ra, ngủ nằm ngửa ruỗi thẳng chân, mắt như tre bụi, mắt vô thần, da mặt thẳng như da trống, đàn ông tiếng ỏn-ẻn như tiếng đàn bà con gái, thịt nhiều xương ít, người béo mà da căng, lông mày thấp và trán nhọn, mắt vàng thần đục, mặt luôn biến sắc, tai nhỏ, tai thấp, mũi mềm không lương trụ, đi chúi đầu, gân nổi mạch lộ, mình to, đầu nhỏ v.v... đều là tướng yếu cả.

Tướng hiền đạt

Người nào tam đình đều đặn, ngũ nhạc hưởng tiền thì hiền đạt. Người nào tiếng trong trẻo, tai trắng hơn mặt thì hiền đạt. Người nào thần thanh, khí sáng thì hiền đạt. Người nào chân tay nhỏ nhắn, thần thái tươi vui một đời an nhàn. Người nào cốt cách thanh nhã thì xuất đời an lạc. Lỗ tai đứt lọt ngón tay thì hiền đạt. Mắt như sơn then thì hiền đạt. Miệng đứt lọt năm tay thì hiền đạt. Ngồi vững như núi, đi đứng oai hùng thì hiền đạt. Tiếng nói vang, dáng điệu ngang tàng thì hiền đạt v.v...

Tướng bần tiện

Người nào đầu nhỏ, trán hẹp, tai mỏng, da thô, miệng nhỏ, hình tục, tinh thần như sợ sệt, khí đục ngầu, tiếng phá, mình gầy, lưng mỏng, ăn như chuột, lưỡi nhỏ, địa-các nhọn, đốt xương thô, dây mắt như lấm bụi, bước đi vụng vãng, lắc lư, môi nhọn, miệng rúm, mắt trắng như vôi, cổ yếu như không mang nổi đầu, trán có văn đoạn, ấn đường có văn xuyên phá, hai tai đen thô, tay ngắn mà mỏng, bàn tay khô-khan, mặt

to, so vai, mày thấp, mắt vàng, tai to không thành quách, miệng nhỏ góc rủ xuống, tai khai hoa (như cái loa tõe ra), người lớn tiếng nhỏ, mặt nhỏ mình to, đầu to trán nhọn, người nhỏ chân to, vẻ mặt tiêu tụy, đi như sể, ăn như lợn, miệng thổi lửa, mũi to và lệch, gáy mỏng-mẻo, râu vàng khè v. v. . . . đều là tướng bần tiện cả.

Tướng cô độc

Người nào hình cốt khô khan, thần khí loạn nhược, nom như lẳng ni thì cô độc, mặt như hoa đào thì cô độc. Tai mỏng không thành quách, như tai chuột, không những nghèo mà còn cô, yếu. Mắt như mắt lợn, mắt dê, nghĩa là lòng đen ít, lòng trắng nhiều thì cô độc. Ngựa tầm khô khan thì cô độc. Miệng như miệng túi thắt lại thì cô độc. Môi không có khía thì cô độc. Râu ria đỏ hắc thì cô độc. Không có râu thì cô độc. Trán khô đen, thiếu thời tán tãi cơ khổ. Cằm lộ xương, hữu thủy vô chung cô độc. Truần đầu nhọn và mỏng cô độc. Mồm rộng nhưng răng lộ, môi mỏng, góc rủ xuống cô độc. Đàn bà tiếng mạnh cô độc. Xương lông mi cao nhô ra cô độc. Không khóc tựa khóc, không sầu tựa sầu cô độc. Da mặt như da quýt cô độc. Mũi to không xứng quyền (cô phong độc tủng) cô độc v. v. . .

Tướng hung ác

Mắt đỏ, con người vàng là hung ác. Mũi nhọn mà quyền chầy xuống là bọn hung đồ. Mắt như mắt ong, tiếng như tiếng sà thì cực kỳ gian ác. Đi như con vượn, nhìn như con lang, trong lòng độc ác dị thường. Đối diện mà ngoảnh mặt đi là người hiểm độc, nên phòng. Mắt ác, mũi

quăm, trong lòng hiểm độc, Mắt như mắt gà, tính cấp hay cạnh tranh. Tóc rối quăn, mắt lơ đãng, lòng mây dưng, môi cong, tóc rậm, thịt sinh ngang, tay thô, ngón dài đực, ngồi nói truyện có vẻ tức giận, trán lệch, trông trộm, mắt nhìn nháo-nhàng, v. v. . . . đều là tướng hung ác cả.

Tướng sát chông

Tiếng như tiếng đàn ông, đi vắn vẹo như rắn, cốt thô, nhỡn ác, tiếng thur hùng (tiếng to tiếng nhỏ), tóc quá dày, tóc soăn, quyền to như quả đấm, trán rộng mệnh mang, đầu to, tai phản, mũi phản, xương cốt thô bạo, nói năng diết nghiệt v. v. . . . đều là tướng không lợi chông cả.

Tướng tuyệt tự

Thông minh quá, sạch sẽ quá (thái thanh); hay ghen ghét, quá thâm trầm, độc địa v. v. . . . đều là tướng vô tự cả.

Xem tướng đàn bà sắp đẻ

Phạm thai con trai thì ôm lấy mẹ, con gái thì ngoảnh lưng vào mẹ. Cái thai cao lên quá hay thấp xuống quá thì yếu, lệch về tả hay lệch về hữu thì thọ. Cái thai quý thì động dấy một cách đều hòa, thai tiện thì loạn động luôn mà mẹ hay có bệnh. Nếu là thai con trai thì cái khí của người mẹ bao giờ cũng đầy đủ mà thần thì thanh. Thai con gái thì khí không đủ mà tinh thần hỗn loạn.

Tiếng người đàn bà thanh trọc có quan hệ đến sự quý liện của đứa bé sắp ra đời.

Người đàn bà nào tiếng thanh thì khi có mang tất sinh con phúc thọ. Người đàn bà tiếng đục tất sinh con cơ khổ. Người đàn bà môi trắng thì hay có cái nạn về sự dễ khó-khăn.

**Xem thai biết được đứa bé
quý, tiện, thọ, yếu không ?**

Trong khi có thai, nếu thai an thì quý, loạn động thì tiện. Đứa nào thọ thì mẹ yên vui. Đứa nào yếu thì mẹ hay đau yếu. Đứa nào thọ thì ấn đường của người mẹ đỏ. Đứa nào yếu thì ấn đường của người mẹ trắng. Đứa nào quý thì tinh thần của người mẹ sáng. Đứa nào tiện thì tinh thần của người mẹ có vẻ hoảng hốt, sợ hãi.

Con trai hay con gái ?

Phàm có thai con trai thì dưới làn hai con mắt của người mẹ trắng bóng, ấn đường nhuận, trắn đầu mình. Thai con gái thì trên hai bao con mắt người mẹ xanh tối.

Người đàn bà sắp lâm bồn, xem tay phải thấy đỏ ở cung Kiền thì đẻ con quý, đỏ ở cung Khảm thì đẻ con phú, đỏ ở minh-đường thì đẻ con phúc thọ, đều dễ nuôi.

Ví bằng những chỗ ấy có sắc xanh thì đẻ con phá bại. Nếu những cung ấy có sắc vừa xanh vừa ám thì e có nạn khó sinh.

Thế nào thì nuôi được ?

Phàm trẻ sinh ra sắc đỏ hay sắc đen (người thẳng bé) thì tốt, trắng nhợt thì không hay.

Xem trẻ con mới sinh có 7 điều có thể nuôi được ;

1^o) Tóc tốt bằng lông mày ;

2^o) Da đầu trũng và đầy ;

XEM TƯỚNG LẤY

- 3°) Ngủ kín miệng ;
- 4°) Mũi cao, môi đỏ mà dày,
- 5°) Con mắt có thần,
- 6°) Khóc to, tiếng vang,
- 7°) Âm nang (dái) dẫn lại và có khía.

Thế nào thì khó nuôi ?

Nếu trẻ mới sinh, mắc những điều sau này thì khó nuôi :

- 1°) Da đầu thẳng và mỏng.
- 2°) Mặt to không có tý lương.
- 3°) Tý lương không nổi.
- 4°) Lòng đen như hột đậu đen.
- 5°) Người mềm nhũn như bông.
- 6°) Không có cước căn (gót).
- 7°) Thân to dít thót.
- 8°) Thịt nhiều xương ít.
- 9°) Ở chỗ cốc đạo (lỗ dít) trống rỗng như không có đường viên
- 10°) Môi mỏng như giấy,
- 11°) Sau tai không có xương nổi lên.
- 12°) Đầu to cổ nhỏ.
- 13°) Hai mắt có thần.
- 14°) Đầu nhọn da mỏng.
- 15°) Bụng to ngực nhỏ.
- 16°) Tóc vàng, thưa.
- 17°) Không có lông mày v. v. . .

Tóm lại, trẻ con nuôi được thì

— Định đầu phẳng,

2.— Tai ngay, rắn,

3.— Tiếng to,

4.— Khí đủ,

5.— Thần sáng sủa.

Chú ý : trẻ con răng mọc trong một năm thì nuôi được ; ngoài một năm thì đại quý ; mới 5, 6 tháng đã mọc răng thì không hay.

Phần nhiều, trẻ con mọc răng dưới trước ; nếu mọc răng hàm trước thì cực thông minh nhưng hình khắc mẹ.

Muốn xem đứa trẻ ra dở hay hay thì xem ngay tam nhạc (trán, mũi, địa các). Đứa nào tam nhạc ngay ngắn không lệch lạc là hay. Nếu nam nhạc cao thì phúc lộc, Trung nhạc cao thì ít tai ương, Bắc nhạc phương viên thì giàu lớn.

Với trẻ con, cần đề ý đến 4 điểm : thần, khí, sắc, nhục.

Cầu tài

Muốn cầu tài phải xem ở ấn đường. Chỗ ấy có sắc hồng hoàng thì nên theo đường cạn mà tiến triển. Nếu hồng bạch (vừa đỏ vừa trắng) thì nên theo đường thủy mà kinh doanh, lấy cái lý là Bạch thuộc Kim mà Kim sinh Thủy, Hoàng thuộc Thổ, Thổ vượng điền ngư.

Còn như muốn kiếm người quyền quý để cầu tài thì không nên có sắc đỏ vì sắc đỏ tuy hay đấy nhưng e gần sắc xích sẽ sinh ra khẩu thiệt lời thôi. Cho nên muốn yết kiến những nhà quyền quý để

cầu tài thì chỗ ấn đường cần sắc vàng và sắc trắng.

Nếu chỗ lệ đường có sắc xanh thì không nên yết kiến những nhà quyền quý vì bất lợi.

Muốn vay mượn thì phải nhìn trên hai lông mày xem có sáng không, nhất là sáng ở đuôi lông mày. Nếu do sự cạnh tranh mà cầu tài thì phải xem cung Thiên-ri (chỗ Thiên sương) có sắc hoàng quang minh nhuận thì mới có lợi.

Nếu không cầu cạnh gì nhưng thấy ở tam quan (ấn đường, trun đầu và quyền) minh nhuận mỡ-màng thì sẽ có hoạnh tài tự nhiên.

Đi thi

Đi thi thì nhìn hai tai, mệnh môn, tam dương, niên thọ, sơn căn, ấn đường, thấy vàng nhuận, sáng sủa thì mới có thể đỗ được.

Thi tiến sĩ phải xem ở trong hai mi, tam dương, nghĩa là ấn, trun, quyền, nếu có sắc tía thì mới đỗ được. Nếu có sắc xanh lẫn sắc vàng thì không được tốt cho lắm; nhưng cũng có thể đỗ được: đỗ hạng trung bình trở xuống. Thi xoàng xoàng thì xem ở Thiên sương, địa khố, có sắc hồng hoàng hay đỏ tía thì đỗ.

Trái lại, nếu ở những chỗ kể trên mà có sắc xanh hay ám khí thì không tốt.

Xuất hành

Xuất hành thì xem chỗ dịch mã, biên địa thấy quang nhuận, có sắc vàng thì hãy nên đi; mờ tối thì không nên đi.

Ở các chỗ khác thì kỵ sắc xích (đỏ hắt) nhưng ở chỗ dịch mã có sắc đỏ hắt thì tốt lắm.

Sắc xích là thế nào ! Sắc này khó phân biệt nhất. Muốn biết sắc đó thế nào thì coi hai người nói chuyện với nhau có câu gì xúc phạm đến danh dự của nhau đến nỗi một người phát thẹn hay nổi giận mặt đỏ gay lên. Cái đỏ ấy là sắc xích đấy.

Ở dịch mã thấy sắc xích thì phải hoạt động mới có tài, mới được việc, nếu cần thủ thì không hay, sẽ gặp chuyện khẩu thiệt thị phi. Vì dịch mã là Hỏa, sắc xích cũng là Hỏa. Hai lửa gặp nhau phải bốc. Vậy nên ngựa không thể bó chân mà hể động thì mới hợp, mới có lợi.

Nếu thấy bạch khi ở chỗ dịch mã thì không nên hoạt động. Vì sắc bạch thuộc Kim, dịch mã thuộc Hỏa, không hợp : vàng gặp lửa phải tan. Bất lợi.

Thăng chức, giáng chức

Những người làm quan mà chỗ ấn đường, dịch mã, mệnh môn mờ mịt, sáng sủa, nhất là có sắc xích ở dịch mã thì chắc chắn được thăng chức đến nơi.

Nếu tối ở trun đầu và ở biên địa, ấn đường lại tía hắc, không bị hồi hưu cũng bị giáng chức.

Trên lông mày hiện sắc tươi đẹp, ấn, quyền cũng hoàng quang, minh nhuận thì có ân điển đến nơi.

Ấy là những người làm quan bậc trên, từ tứ phẩm trở lên, những người bậc dưới chỉ cần nhìn mệnh cung, (ấn đường) và trun đầu hồng nhuận là được thăng chức.

Ví dụ tứ khố có sắc xanh thì sớm muộn sẽ phải hồi hưu.

Thị phi, kiện cáo

Xích sắc phát động ở chỗ nào thì xảy ra thì phi, miệng tiếng ở chỗ ấy : ở cùyn thì khẩu thiệt với huynh đệ, ở gian môn với thê thiếp, ở nô bộc cung với gia nhân v. v. . . do sắc đỏ sinh ra, còn quan sự kiện cáo do sắc xanh sinh ra. Truân đầu có sắc xanh, trán lại tối thì bất lợi đến nơi.

Ở biên địa có sắc xanh, vào cửa quan bất lợi. Trên đầu lông mi có sắc xanh có việc kiện vào cửa quan coi chừng bị hạ ngục, Truân đầu sáng sủa, hạ khố cũng sáng sủa thì có lợi. Kiện cáo mà có sắc đen, sắc xích ở truân đầu và ở trán thì chắc chắn bị thua. Thần tán loạn, như hoảng sợ cũng thua kiện. Thần sáng sủa, gương mặt tươi, được kiện. Kiện cáo lâu ngày, nếu tứ khố hiện sắc sáng tươi thì việc xong đến nơi và có lợi cho mình.

Cưới xin

Phàm người con gái đầy mặt sáng tươi lên, trong năm ấy sẽ có việc đại xứng tâm (lấy chồng). Nếu ở ẩn đường có sắc hồng nhuận chạy suốt đến truân đầu thì thế nào cũng lấy chồng sang trọng. Con gái về nhà chồng mà có sắc hồng nhuận ở ẩn đường và ở truân đầu là người có phúc thọ, ích tử, vượng phu. Nếu mặt chỉ có sắc sáng tươi nhẹ nhàng thì chỉ hay vừa vừa. Nếu thấy sắc trắng nhợt thì là bại sắc. sau khi lấy chồng tất phải hình thương.

Còn đàn bà muộn chồng là vì mặt có sắc tối rằm và vàng ệnh.

Chú ý : muốn biết người con gái ấy là hạng người nào ? Và rồi có sinh con quý tử hay không, nên nhớ câu này : Ẩn khoát, truân viên hoàn vi đức phụ, thần chu, nhơn tú tất sản quý nhi. Nghĩa là : ẩn nở nang, truân đầu tròn là bậc đức phụ, môi đỏ, mắt đẹp chắc sinh con quý tử.

Thủ cự hay canh cải ?

Phàm những khi canh cải xem ở chỗ thiên-sương và dịch-mã có sắc xích, bạch hay hắc thì không lợi, mà có sắc hoàng nhuận thì lợi.

Cần phải ngó qua truân đầu : có hoàng nhuận thì mới chắc, mới nên canh cải. Không thì thủ cự là hơn.

Tìm thầy chữa bệnh

Trong nhà có người ốm, muốn biết tìm thầy chữa có khỏi không thì nhìn ở ấn đường, hai bên nhĩ luân thấy có sắc đỏ thì gặp thầy gặp thuốc. Cũng phải nhìn qua cả truân đầu nữa. Nếu niên thọ thanh ám mà tinh táo có sắc xích thì khó chữa.

Tu tạo

Phàm muốn tu tạo thì xem ở hai bên sơn lâm, tinh táo có sắc hoàng xích là sắc động thì nên động thổ mà tu tạo. Hễ mình nhuận thì hay, thanh ám thì dở. Ví dù thấy sắc bạch ở hạ khố thì đừng khởi công, vì bất lợi : nhân khẩu sẽ tổn thương.

Ra khơi, qua bề

Phàm những người ra khơi, qua bề không kể gì quan hay dân, nếu ở thừa tương có sắc đen thì đi được nhưng sẽ gặp sự sợ hãi không đâu. Có sắc trắng cũng gặp sự kinh sợ. Có sắc xanh như trà, sắc vàng hay sắc đỏ thì không nên đi, Chỗ thừa tương sáng mỡ màng là lợi sắc thì nên đi.

Xem về bệnh

Cha mẹ

Chỗ nhật, nguyệt giác mà đen một cách mờ tối ảm đạm thì bố mẹ lâm bệnh nặng. Nhưng đừng tưởng chỗ ấy khai minh nghĩa là sáng ra là khỏi bệnh đâu : sáng ra là nguy đấy. Nếu ám đen nhẹ nhàng rồi sáng ra thì khỏi.

Có sắc như huyết điểm nghĩa là lấm tẩm như hoa mai thì chết. Đen như khói ám, bố sẽ bị thương và hao tài. Khí lai hồng nhuận trong tuần nhật tai nạn sẽ qua. Minh nhuận ở nhật nguyệt giác thì bố mẹ yên ổn.

Anh em

Ở trong mi hai bên trên mi có sắc xích, phần nhiều có sắc xích, hay sắc trắng lấm tẩm như hột thóc, hột gạo hay vàng như bụi bám, anh em thế nào cũng bị yếu đau. Ở trun đầu có bạch quang thì anh em có hiếu phúc. Trong râu có sắc ám, anh em bị ốm đau hay gặp tai nạn về hình ngục.

Thế thiếp

Ở gian môn, ngư vĩ mà xanh tối thì ốm nhưng rồi qua khỏi. Trắng mà nhuận cũng qua khỏi. Trắng bệch như xương khô thì chết. Đỏ tía thì bình yên.

Chỗ ngọ tà có hắc khí, bên tả thì chết vợ, bên hữu thì chết thiếp.

Phải đặc biệt đề ý : Bộ vị xem về thế thiếp tuy ở ngư vĩ nhưng khí sắc cực nghiệm lại ở ngọ tà. Cho dầu gian môn ngư vĩ có hắc khí hay trắng bệch như xương khô ; nhưng ở ngọ tà không sắc đỏ thì cũng không sao cả.

Con cái

Con trai bên Tả, con gái bên Hữu. Thấy sắc đen rằm ở ngọ tà thì nguy ; sáng nhuận thì rồi qua khỏi. Sắc khô hay đen vàng lẫn lộn thì khó qua khỏi. Xanh nhiều cũng khỏi, nhưng nếu có sắc trắng ở ấn quyền, truân thì khắc con.

Ở ngọ tà tuy có sắc đen, nhưng gian môn mà sáng thì tuy con cái ốm đau cũng không sao ; trái lại nếu gian môn cũng lại có ám sắc thì đáng nên lo ngại.

Bản thân

Ở niên thọ có sắc xanh, ở ấn, quyền, truân, có sắc trắng thì có tai ách và có bệnh trong bụng. Niên thọ có sắc xích : có bệnh về nung huyết (nhọt), Trán bóng đen sạm, ốm đến nơi. Sắc khai thì bệnh

khỏi. Phàm người ốm mà chỗ thiên sương, địa các không đen tối, khẩu giác (quanh miệng) không hoe hoe vàng hay mờ mờ khói ám thì không sao chết được, nhất là thần không yếu ớt lờ đờ.

Nguy nhất khi nào « Hắc yểm thái dương, hoàng xâm khẩu giác, Biền-Thước nan y », nghĩa là : Đen sạm thái dương, vàng bao quanh miệng, Biền-Thước cũng khoanh tay.

Nếu sắc không sáng cũng không tối, nhưng màu da khô, da cồ lại răn lại thì nguy. Lưỡi xanh, lưỡi đen mười phần chết chín. Người ốm mà môi trắng nhợt, nhưng địa khổ sáng sủa thế nào cũng gặp thầy gặp thuốc. Nếu ở trường tâm (trong lòng bàn tay) quang nhuận cũng có cứu tinh.

Mỗi gia-đình nên có bộ sách

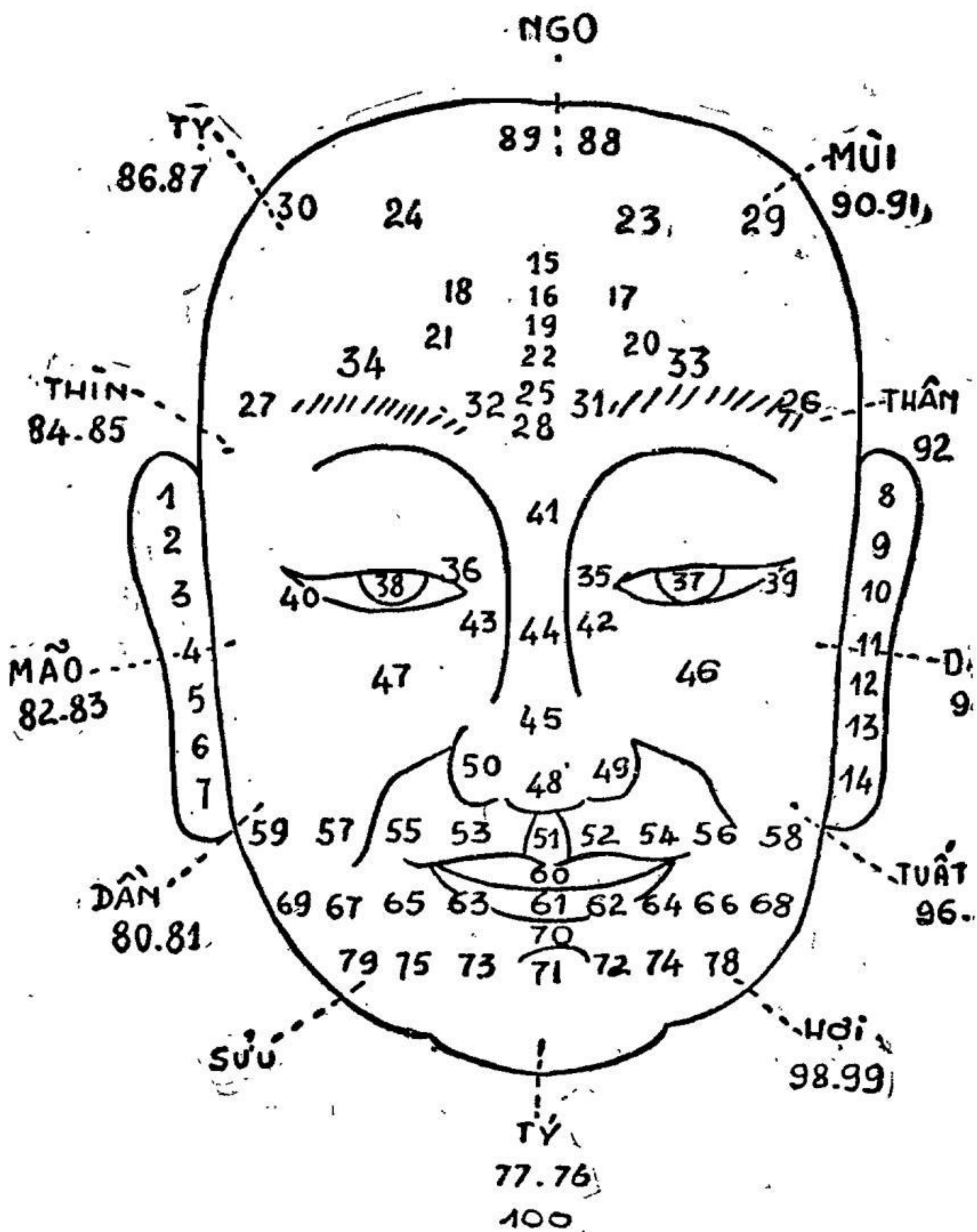
TỬ - VI ĐÀU - SỐ

của **Nguyễn-mạnh-Bảo**

(dịch giả bộ **Kinh Dịch**)

Chỉ dẫn rõ-ràng cách lấy số tử-vi, so sao, chấm số

Bộ sách quý đã được các bậc thức giả khen ngợi nhất



XEM TƯỚNG LẤY

Lưu niên vận khí

Muốn biết vận khí từng năm ở chỗ nào thì cứ nam tả, nữ hữu, theo các bộ vị sau này :

1 đến 2	tuổi ở	Thiên luân
3 4	—	Thiên thành
5 7	—	Thiên khuếch
8 9	—	Thiên luân
10 11	—	Nhân luân
12, 13, 14	—	Địa luân
15	—	Thiên đình
16	—	Thiên trung
17	—	Nhật giác
18	—	Nguyệt giác
19	—	Thiên đình
20 — 21	—	Phụ giác
22	—	Tư không
23 — 24	—	Biên thành
25	—	Trung chính
26	—	Kỳ lăng
27	—	Tử mộ
28	—	Ấn đường
29 — 30	—	Sơn lâm
31	—	Lăng vân
32	—	Tử khí
33	—	Vân hà
34	—	Thái hà
35	—	Thái dương
36	—	Thái âm
37	—	Trung dương
38	—	Trung âm
39	—	Thiếu dương

XEM TƯỚNG LÂY

40	—	Thiếu âm
41	—	Sơn căn
42	—	Tinh xá
43	—	Đăng quang
44	—	Niên thượng
45	—	Thọ thượng
46	—	Quyền bên tả
47	—	Quyền bên hữu
48	—	Truân đầu
49	—	Lan đài
50	—	Đình úy
51	—	Nhân trung
52	—	Tiên khố
53	—	Thiên khố
54	—	Thực sương
55	—	Lộc sương
56	—	Pháp lệnh
57	—	Pháp lệnh
58	—	Hồ nhĩ
59	—	Hồ nhĩ
60	—	Mỗn
61	—	Thừa tương
62	—	Địa khố
63	—	Địa khố
64	—	Pha tri
65	—	Nga á
66	—	Kim lữ
67	—	Kim lữ
68	—	Qui lai
69	—	Qui lai
70 — 71	—	Địa các
72 — 73	—	Nô bộc

XEM TƯỚNG LẤY

74 — 75	—	Hai bên cạnh má
76 — 77	—	Giữa cằm (lý)
78 — 79	—	Hai bên quai hàm (sửu)
80 — 81	—	Mang tai (dần)
82 — 83	—	Mão
84 — 85	—	Thìn
86 — 87	—	Tị
88 — 89	—	Ngọ
90 — 91	—	Mùi
92 — 93	—	Thân
94 — 95	—	Dậu
96 — 97	—	Tuất
98 — 99	—	Hợi
100	—	Ti



PHẦN THỨ TÁM

Vấn đáp

Dưới đây là những câu hỏi sẽ giúp ích các bạn thêm kinh nghiệm về khoa xem tướng.

(H = hỏi. — Đ = đáp)

1.) H.— Tôi thấy một người thân thể trọng hậu, người ngắn, trán thấp, dáng đi lùn tùn, tiếng nói nhỏ nhỏ, không vang, ấy thế mà giàu đến trăm vạn là nghĩa làm sao ?

Đ.— Cái hình đã trọng hậu tức là tướng phú đầy. Có câu nệ gì ngắn với nhỏ. Cái trán thấp mà bước không được rộng rãi chỉ là tướng giàu mà không sang đầy thôi. Chứ người ngắn mà trọng hậu, lưng như mai rùa úp thế là hình được rồi, tiếng như tiếng trong chuông thế là thổ âm được rồi. Thổ hình được, thổ âm được thì tất phải giàu. Không cứ trán phải cao, tiếng phải to và vang mới giàu được.

2.) H.— Tôi thấy có người sơ vận lao đao bần tiện, đến trung vận thì phú quý, hanh thông mà đến hậu vận thì lại tiêu điều. Tại sao lại có sự không đều như thế ?

Đ.— Con người ta cái mệnh không đều, cái căn không đều là bởi cái phúc cũng không đều. Cho nên thiên đình lép, thừa nhỏ phải điều linh, địa các thoát không, hậu vận phải vất vả. Duy có trung đình được nghĩa là mũi dài mà cao, hai mắt sáng, hai quỳ nổi,

hai tai có luân quách cho nên được hưởng phú quý một hồi trung gian.

3.) H. — Có người trước giàu mà sau nghèo, lại có người trước nghèo mà sau giàu ; xem cái tướng gì mà có thể hiểu được ?

Đ. — Muốn biết giàu nghèo trước sau khác nhau thế nào thì trước hết phải nghe lời nói, thứ xét đến thần, thứ nữa x t đến bộ vị. Nếu thấy người tướng giàu thì phải xét xem người ấy giàu nghèo thế nào. Nếu lời nói trước nghe vang vang mà sau yếu thấp dần, hay thấy thần người đó trước long lanh cường kiện mà sau như sợ sệt, e dè tức là có tướng trước giàu mà sau nghèo đó. Thấy người nào tinh thần trước tựa như lò mờ mà sau thấy lóng lánh, lời nói trước rút rút mà sau thấy hùng mạnh thì chắc là bộ vị người đó thiên đình hơi khuyết hãm mà trung đình và hạ đình đầy đặn, phong long tức là có tướng trước nghèo mà sau giàu đó.

4.) H. — Tôi nghe nói người mặt chữ Đồng hay chữ Điền chẳng giàu cũng sang. Thế mà có người mặt chữ Đồng chỉ đủ áo cơm, đến lúc tuổi già lại điêu nguy, thiếu thốn là tại làm sao ?

Đ. — Mặt chữ Đồng nhưng khi cười tựa khóc vả lại thịt nhiều, xương ít, đó là tướng bất túc. Hưởng hồ tiếng khô, không vang, đến lúc già phải nghèo túng là thế.

5.) H. — Những người giàu thì tất nhiên con được thừa hưởng sản nghiệp ; nhưng tôi thấy phần nhiều con nhà giàu hình thể tuy béo tốt, nhưng lưng mỏng, tiếng phá, tỉnh táo lộ (lan thai, đình úy), đó là tướng bại nghiệp. Đã là con nhà giàu lại có tướng bại nghiệp như thế là nghĩa làm sao ?

Đ.— Chắc người đó con người vàng mà mặt chảy. Nhìn quắc mắt như con ưng, trông trừng trừng như con lang, trong ngực ở chỗ tâm oa lõm xuống. Người đó giàu nhưng đến trung niên phải phá sản (vì lỗ mũi huếch).

6.) **H.**— Tôi thấy có người mi mục thanh tú mà học mãi không đỗ đạt được là tại làm sao?

Đ.— Là vì mi mục tuy thanh tú, nhưng tay chân thô. Cho nên những người chí ở công danh, tuy mi mục thanh tú, nhưng tay chân thô, tiếng chim thì cũng không sao hiền đạt được.

7.) **H.**— Tôi thấy có người rất thông minh, học đâu hiểu đấy, nghe đâu biết đấy, thế mà danh không thành, lợi không tụ tại làm sao?

Đ.— Mắt sáng mà đưa luôn cho nên thông minh. Nhưng trán như trứng gà, nghĩa là lõm ra mà hẹp, tay như đùi đực, nghĩa là tụt, như thế thì cầu công danh sao được. Vả lại thương khổ không, địa các khuyết, tiếng nói như lệnh võ, mũi dòm mồm thì cầu lợi sao được?

8.) **H.**— Những người giàu có phần nhiều bủn xỉn là tại tướng gì?

Đ.— Phàm những người tai, mắt, mũi, mồm, tụ hợp với nhau là tướng súc tụ (tướng hẹp-hòi nhỏ nhen) thì tâm địa phải hẹp hòi, bủn xỉn.

9.) **H.**— Có người phú quý hần hoi, thiếu gì kẻ phỉnh phờ, nịnh hót, tại sao lại hay bị nhiều người ghét, điều nọ tiếng kia luôn?

Đ.— Tại răng hở, môi không che kín miệng, mặt khó dăm dăm, kém vẻ ôn hòa.

10*) H.— Bọn hạ tiện phần nhiều môi đỏ răng trắng, da mềm, thịt mềm, tướng như thế là đẹp chứ sao lại tầm thường ?

Đ.— Bọn đó ở trong vòng an lạc hưởng được phong lưu nên hình thể nở nà. Sở dĩ ty tiện là vì trong tướng nói : hình quá ư thần cố tiện (hình hữu dư, thần bất túc). Và lại thần mị, cốt mị, sắc mị. Cho nên phong lưu chỉ là phong lưu tạm. Đến vận kiên sẽ lộ nguyên hình.

11*) H.— Vợ chồng người ta đang xum họp mà ông quả quyết rồi phải sinh ly thì nhìn vào tướng gì mà đoán thế ?

Đ.— Là vì gian môn có thập tự văn, nghĩa tự văn, mệnh viên lại có hoành văn, hoặc niên thọ có vài cái văn lệch lạc, vất bên nọ sang bên kia. Tướng như thế thì dù yêu nhau, cũng có lúc phải xa nhau.

12*) H.— Tôi thấy một người chỗ niên thọ và thọ thượng cao đầy, mi mục thanh tú, tinh thần không đến nỗi k m, tiếng nói có dư âm, tướng mạo như thế tại sao không thọ ?

Đ.— Những người có tướng như thế mà không thọ là vì phần nhiều sinh ở nơi phú quý làm nhiều điều bất nghĩa, bất nhân. Trong tướng có nói : trước mặt tốt tươi, sau lưng thiếu thốn thì hư danh, không thọ. Và lại người thanh mà tay trọc là tướng hung, thọ sao được.

13*) H.— Những người chết uổng tử có tướng không ?

Đ.— Người nào mắt không thần, lòng trắng nhiều, lòng đen ít, môi cong lên mà vẻ mặt như khóc, râu rầu là tướng uổng tử.

14.) H.— Tôi thấy có người 60 tuổi tự ải. Tướng đã thọ như thế mà còn chết phi mệnh là tại làm sao?

Đ.— Là vì mắt không có thần, lòng trắng nhiều, lòng đen ít, môi cong lên, dưới mắt có lã vông vắn (như mắt lưới), trong tay có độc cốt (xương rắn), chỗ khảm cung (bàn tay) có thẳng vắn (vắn nhằng nhịt như giấy từng soán suýt lấy nhau), tâm oa có mọc nhiều lông. Cho nên đến lúc vận cùng thì chết như thế.

15.) H.— Cứ ăn mặc đường hoàng đến xem tướng thì cố nhiên bề ngoài là sang giàu rồi, nhưng nếu có người tầm thường mà đội lốt giàu thì làm thế nào mà biết được?

Đ.— Gặp trường hợp ấy thì phải bắt người đó đi mấy vòng và gọi chuyện đề hỏi dăm ba câu đề thử xem dáng đi đứng ra sao, tiếng nói thế nào. Nếu người đó đội mũ thì chủ nhân tự bỏ khăn ra khiến người đó phải làm theo đề xem đầu, trán và tai người đó thế nào. Nếu đầu, trán và tai chẳng đáng kể thì đích là hạng đội lốt không sai. Người quý tất phải đầu to, trán rộng, tai có thành quách, mi mục thanh tú, tiếng vang, răng đẹp. Bọn đội lốt làm sao có như thế được. Trong tướng có câu: « Muốn mặc áo người sang phải có thân hình sang, muốn ăn lộc người sang phải có bộ răng người sang ».

16.) H.— Nhiều khi tôi thấy ông khuyên người này đề râu, người khác lại khuyên cạo râu là nghĩa làm sao?

Đ.— Tôi khuyên người này đề râu là vì lan thai, đình úy (lỗ mũi) tiết khí, nếu đề tí ria mép thì có thể chế bớt được sự tiết khí đi (dở hao tài). Trái lại, người râu tốt quá, địa các lại lép, nếu đề ria thì khí tượng thành ra kiểu chệ nên tôi khuyên nên cạo râu đi. Nhưng thay đổi tướng sao bằng thay đổi tâm. Khi khuyên người đó đề râu hay cạo râu, tôi không quên khuyên câu tích thiện.

17.) **H.**— Cái ông lão nhà giàu ấy mà sau cũng bại vong là tại tướng gì ?

Đ.— Trung đình dài, mũi nổi cao, lưng đầy đặn mà mắt có thần thì thế nào mà không giàu được. Nhưng đi đầu trở đi trước, nói chum miệng không thoát ra lời. Trong tướng nói: gót chân không chấm đất, bán ruộng vườn mà tới phương xa. Miệng chum là tướng suy hỏa (thời lửa), súc nang (rút miệng túi). Tướng như thế phải có lúc bại vong.

10.) **H.**— Người nọ mắt, tai, miệng, mũi, ngay ngắn như thế, ai chẳng bảo là tướng phong-lưu, riêng ông bảo là tướng cô bản là tại làm sao ?

Đ.— Là vì Hình quá ư Thần. Vả lại lộ đường tối thâm, chân bước ngã nghiêng, cô bản chứ phong-lưu phú-quý sao được.

19.) **H.**— Ông nhà giàu kia thân thể trọng hậu thế là Thủy hình được rồi, có làm sao ông lại bảo quăng trung niên bị gãy lòn ?

Đ.— Là vì trong tướng có nói: mặt to mà mũi nhỏ, trọn đời không con. Đến trung niên vận hành đến mũi cho nên phải nếm mùi thất bại. Vả lại người đó trông ngó kém tinh thần, nghĩa là vô lực thì lâu dài sao được.

20.) H.— Ông lão kia có một đàn 6 người con trai mà ông quả quyết khi chết không con đưa đám là nghĩa làm sao ?

Đ.— Là vì miệng người đó như thổi lửa, nam nữ cung (ngọa tà) thâm hãm. Trong sách nói : mắt không khóc mà dòng lệ chứa chan, nếu không hình khắc thì già cũng cô đơn. Vả lại tâm địa không ra gì. Trong sách nói : người nào bụng dạ tàn nhẫn thì hại con. Đến già không con đưa đám là thế.

21.) H.— Ông bảo : ông lão nhà giàu kia có cái tướng hồ. Hồ tướng thì giàu ư ?

Đ.— Phải. Tướng Hồ bao giờ cũng giàu : khuất sơn hồ (hồ dựa núi) thì giàu ở hương thôn, xuyên sơn hồ (hồ luồn rừng) thì giàu vì buôn bán, xuất sơn hồ (hồ nhảy trong rừng) thì phát công danh lắm liệt.

22.) H.— Ông lão nọ giàu có hẳn hoi mà bốn ba vất vả là tại làm sao ?

Đ.— Là vì dưới dài, trên ngắn cho nên một đời phải phiêu bạt, lênh đênh. Ông lão ấy chân dài hơn mình vậy.

23.) H.— Những nhà kỹ-nghệ tất nhiên phải có cái hoa tay như người ta thường nói. Thế mà tôi thấy có một nhà kỹ-nghệ hình-học (thân hình thô lỗ, chân tay cục cằn) mà lại danh tiếng lẫy lừng trong thương trường là nghĩa làm sao ?

Đ.— Người đó hai mắt chắc là hắc bạch phân minh, mày thanh tai trắng, thế là có tướng thanh ở trong trọc vậy. Trong tướng nói : « Tai trắng hơn mặt triều quận lừng danh ». Nhà kỹ-nghệ ấy tất nhiên được tai trắng, mắt tinh cho nên mới nổi danh như thế.

24.) H.— Tôi thấy ông nói luôn đến tinh thần thì tinh thần là mặt đẹp hay là mắt đẹp? Hay tinh thần là mắt nháo nhâng, trừng trợn?

Đ.— Tinh thần đây là ở chỗ nhìn mà đáng quý, đáng trọng, đáng yêu, đáng sợ. Nếu con mắt nhìn thấy đáng yêu, yêu miệt mài, yêu lời là là con mắt phong hoa. Con mắt ấy là con mắt tú mị, không có thể gọi là tinh thần được.

Ngày xưa có một ông thầy tướng vào rừng gặp một ông tiểu phu đang gánh củi bưng có một con hổ chồm ra vồ. Người tiểu phu đứng nghiêm nhiên nhìn con hổ không chớp mắt trong giờ lâu. Sau ông thầy tướng thán phục người tiểu phu rằng: sau này ông tất nhiên làm nên tể tướng vì ông có tinh thần, không sợ hổ thì thiên quân vạn mã ông có sợ gì.

25.) H.— Tôi thấy ông nói tướng nói luôn luôn đến tinh thần, chẳng hóa ra tinh thần có quan hệ đầy đủ đến các phương diện của người ta ư?

Đ.— Tinh thần quan hệ lắm. Phú quý ở tinh thần mà bần tiện cũng ở nơi tinh thần. Người nào rần, khí, cốt đều thanh chắc là phú quý. Người nào rần, khí, cốt đều trọc không khỏi bần cùng.

26.) H.— Tôi muốn kết bạn với những người ít, tránh những người xấu, có thể xem tướng mà liết được không?

Đ.— Được. Xem người nào đi lầy bầy như sê rầy, vắn vẹo như rắn bò, mắt liếc ngang trông ôm, không nên bạn bè. Người nào tiếng the the như tiếng sài, nhìn nhâng nháo như con lang, con ắt thường trông xuống, không nên bạn bè.

Người nào ăn lưu loát, nghe có thứ tự, chắc người có tài cương nghị, quả quyết, Người nào ỉ năng ắp úng, không ra manh mối gì là người t vả, gian truân.

27') H.— Người như thế nào có thể làm to được ?

Đ.— Người nào tướng mạo ôn hòa, xử sự có độ lượng, gặp cơn nguy biến vẫn giữ được thái độ bình tĩnh thản nhiên, biết vui cái vui của người, biết lo cái lo của người, người ấy có ngày làm nên sự nghiệp to được.

28') H.— Người ta đang trong lúc vui mà có buồn, đang trong lúc buồn mà có vui, tướng xem ở chỗ nào ?

Đ.— Xem về khí sắc. Vì như truân đầu có sắc bóng vàng tất nhiên có sự mừng rỡ. Nhưng nếu sắc xanh như tràm mà hiện ở quăng tam dương (ngọa tà) tất nhiên có việc lo âu. Nếu người nào ở ấn đường có sắc trắng nổi lên ở da, vào quăng ấn đường chủ khắc cho mẹ. Nhưng có cái màu vàng ẩn ở trong da thì trong cái ưu có lẫn cái hỷ. Ví dụ có sắc vàng hiện ở ngoài da mà lại có sắc bạch ẩn ở trong da là trong cái hỷ lại có cái ưu.

20') H.— Ngủ có tướng không ?

Đ.— Người nào ngủ mà trông mặt tựa cười, tựa nhân từ, tựa uy nghi, những tướng ngủ như thế là tướng hay. Trái lại, những người nào ngủ mà trông như chết, như khóc, như mếu, như sầu tủi, như sà sưa là tướng không hay.

Cho nên xem khi ngủ, biết được người ngu hay trí. Người thông minh ít ngủ mà ngủ thì dễ tỉnh, kẻ ngu độn thì ngủ nhiều mà ngủ mê mệt như chết. Xem tỉnh hay mê mà đoán ngu hay trí,

30) H.— Tôi thấy có người tai thì phi luân phản quách mà làm đến án sát, mà trái lại, người có luân quách phân minh thì chỉ là một ông lái buôn là nghĩa làm sao ?

Đ.— Người thường không bao giờ có mắt quý mà người quý không hẳn quý ở tai. Vả lại tai tuy phi, phản đấy nhưng trán rộng, mày cao, quầng to, bước dài, mắt sáng, tiếng to, có uy nghi đủ khiếp phục được người thì làm nên quan to là phải lắm. Còn như người kia thì trán thấp, mắt đục, quầng thấp, tay thô, duy có cái mũi dầy và to, hình thể đậm đà, da nhỏ nhắn, cho nên giàu có, làm một ông lái buôn là đúng lắm.

Tổng - kết

Muốn biết tiền trình, trước xem khí cục. Muốn biết triệu trứng phải xét hình dung. Trước xem ngũ nhạc làm căn bản sau xem khí sắc để định họa phúc.

Phép xem tướng trước hết phải xét bốn điều đó thì tốt xấu, sang hèn mới có thể hiểu được.

Người học tướng phải cùng thông lẽ đó thì thuật mình mới tinh, ích cho mình và cho người.

Người thông minh có thể hiểu được sách này lại nhờ có thầy giỏi chỉ bảo, ngày tháng nghiên cứu thì mới có thể mỗi ngày một rộng biết thêm được.

Tóm lại, con người ta phú quý, bản tiện, thọ yếu cố nhiên là ở tướng mạo khí sắc. Nhưng làm thiện được hưởng phúc, làm ác gặp tai họa, cho nên có câu «Tướng diện bất như tướng tâm». Vậy nên tâm địa con người ta quan hệ lắm lắm.

Xưa, ông Bùi-Độ đời Đường có đề mấy câu vào bức họa truyền thần có câu rằng : «Thân người không dài, mặt người không đẹp, sao mà làm tướng văn, sao mà làm tướng võ ? Một điểm linh dài (tâm địa) mực son khó vẽ». Nghĩa là tâm địa là phần quan trọng lớn lao hơn hết. Người học tướng phải nên suy xét.

MỤC-LỤC

	Số trang
Mấy lời nói đầu	3-4

Phần thứ nhất

Luận về 12 cung	5-6
Luận về ngũ quan	10
Ngũ nhạc	11
Tứ độc	12
Ba cột.	12
Ngũ tinh, Lục riêu	13
Trán, mi, mắt, mũi, tai, miệng	14
Lục phủ	15
Tam tài, tam đình	16
Tứ học đường.	16

Phần thứ hai

Có mấy thứ tướng	17
Bát đại	17
Bát tiểu	18
Ngũ trường.	18
Ngũ đoản	19
Ngũ lộ	19
Ngũ tiều	20
Lục ác	20
Lục tiện	21
Thập sát	21
Thập đại không vong	22
Thập đại thiên la	23
Hình thể ngũ hành	24

Phần thứ ba

Luận về hình	25
Luận về thần	25

Luận về hình hữu dư	28
Luận về thần hữu dư	26
Luận về hình bất túc	27
Luận về thần bất túc	27
Luận về tiếng	28
Luận về khí (hơi)	30
Luận về tởng xương cốt	31
Luận về thịt	32
Luận về tởng dầu	33
Luận về tởng trán	33
Luận về tởng mặt	33
Luận về lông mi, các kiểu mi	34-35
Luận về mắt, các kiểu mắt	36-37
Luận về tởng mũi, các kiểu mũi	38
Luận về nhạn trung	39
Luận về tởng miệng	40
Luận về tởng môi	41
Luận về lưỡi	42
Luận về răng	43
Luận về tai	43
Luận về chân tay	44
Nói về tay	45
Luận về bàn tay	46
Luận về chân	47

Phần thứ tư

I.— Nốt ruồi	49-52
II.— Luận về văn chí ở mặt	53-54

Phần thứ năm

Phép xem khí sắc	55
Luận về khí sắc Thượng đình	56-59
Luận về khí sắc Trung đình	59
Luận về khí sắc Hạ đình	61
Luận về khí sắc xấu của Thượng đình	61
Luận về khí sắc xấu của Trung, Hạ đình	63
Nhắc lại khí sắc	64

Phần thứ sáu

Phép xem tướng.	66-70
-------------------------	-------

Phần thứ bảy

Tướng đàn bà.	71
Cửa mi	72
Cửa ác	72
72 tướng liện	73
Tướng thọ	74
Tướng yếu	74
Tướng hiền đạt	75
Tướng bản tiện	76
Tướng cô độc	76
Tướng hung ác	76
Tướng sát chông	77
Tướng tuyệt tự	77
Xem tướng đàn bà sắp đẻ.	77
Xem thai.	78
Thế nào thì nuôi được.	78
Thế nào thì khó nuôi	79
Cầu tài, đi thi, xuất hành	80
Xem về bệnh	85
Lưu niên vận khí.	91

Phần thứ tám

Văn đáp	
Tổng kết.	101